

LỜI MỞ ĐẦU

Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Trong điều kiện hiện nay phạm vi hoạt động của doanh nghiệp không còn bị giới hạn ở trong nước mà đã được mở rộng, tăng cường hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Do đó, quy mô và kết cấu của vốn bằng tiền rất lớn và phức tạp, việc sử dụng và quản lý chúng có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Mặt khác, kế toán là công cụ để điều hành quản lý các hoạt động tính toán kinh tế và kiểm tra việc bảo vệ tài sản, sử dụng tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong công tác kế toán của doanh nghiệp chia ra làm nhiều khâu, nhiều phần hành nhưng giữa chúng có mối quan hệ hữu cơ gắn bó tạo thành một hệ thống quản lý thực sự có hiệu quả cao. Thông tin kế toán là những thông tin về tính hai mặt của mỗi hiện tượng, mỗi quá trình : Vốn và nguồn, tăng và giảm ... Mỗi thông tin thu được là kết quả của quá trình có tính hai mặt: thông tin và kiểm tra.

Do đó, việc tổ chức hạch toán vốn bằng tiền là nhằm đưa ra những thông tin đầy đủ nhất, chính xác nhất về thực trạng và cơ cấu của vốn bằng tiền, về các nguồn thu và sự chi tiêu của chúng trong quá trình kinh doanh để nhà quản lý có thể nắm bắt được những thông tin kinh tế cần thiết, đưa ra những quyết định tối ưu nhất về đầu tư, chi tiêu trong tương lai như thế nào. Bên cạnh nhiệm vụ kiểm tra các chứng từ, sổ sách về tình hình lưu chuyển tiền tệ, qua đó chúng ta biết được hiệu quả kinh tế của đơn vị mình.

Thực tế ở nước ta trong thời gian qua cho thấy ở các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư nói chung và vốn bằng tiền nói riêng còn rất thấp, chưa khai thác hết hiệu quả và tiềm năng sử dụng chúng trong nền kinh tế thị trường để phục vụ sản xuất kinh doanh, công tác hạch toán bị buông lỏng kéo dài.

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CPTM Ngọc Dung

Xuất phát từ những vấn đề trên và thông qua một thời gian thực tập em xin chọn đề tài sau để đi sâu vào nghiên cứu và viết khoá luận : “**Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty CPTM Ngọc Dung**”

Khoá luận gồm ba phần:

Chương I : Một số vấn đề lý luận cơ bản về hạch toán kế toán vốn bằng tiền.

Chương II : Thực trạng tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CPTM Ngọc Dung

Chương III : Một số phương pháp góp phần hoàn thiện công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CPTM Ngọc Dung

CHƯƠNG I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Sự cần thiết của kế toán vốn bằng tiền

1.1.1. Khái niệm vốn bằng tiền

Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào dù lớn hay nhỏ khi bước vào hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhất thiết cần một lượng vốn nhất định, trên cơ sở tạo lập vốn kinh doanh của doanh nghiệp, dùng nó vào việc mua sắm tài sản cần thiết phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Qua mỗi giai đoạn vận động vốn không ngừng biến đổi cả về hình thái biểu hiện lẫn quy mô.

Quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là quá trình vận động liên tục của vốn kinh doanh theo chu kỳ T-H-T, trong quá trình đó luôn có một bộ phận dừng lại ở trạng thái tiền tệ, bộ phận này gọi là vốn bằng tiền.

Vốn bằng tiền là một bộ phận của vốn sản xuất kinh doanh thuộc tài sản lưu động của doanh nghiệp được hình thành chủ yếu trong quá trình bán hàng và trong các quan hệ thanh toán, tồn tại trực tiếp dưới hình thái tiền tệ bao gồm tiền mặt (TK111), tiền gửi Ngân hàng (TK112), tiền đang chuyển (TK113).

1.1.2. Đặc điểm vốn bằng tiền

Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hoá sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Chính vì vậy, quy mô vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận và ăn cắp. Vì thế trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, các thủ tục nhằm bảo vệ vốn bằng tiền khỏi sự ăn cắp hoặc lạm dụng là rất quan trọng, nó đòi hỏi việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước. Chẳng hạn tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp dùng để chi tiêu hàng ngày không được vượt quá

mức tồn quỹ mà doanh nghiệp và Ngân hàng đã thoả thuận theo hợp đồng thương mại, khi có tiền thu bán hàng phải nộp ngay cho Ngân hàng.

1.1.3. Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền

Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt, nó là vật ngang giá chung, do vậy trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô lãng phí. Để quản lý chặt chẽ vốn bằng tiền cần đảm bảo tốt các yêu cầu sau:

- Mọi biến động của vốn bằng tiền phải làm đầy đủ thủ tục và có chứng từ gốc hợp lệ
- Việc sử dụng chi tiêu vốn bằng tiền phải đúng mục đích, đúng chế độ.

1.1.4. Vai trò của kế toán vốn bằng tiền

Trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, việc quản lý và sử dụng vốn là một khâu quan trọng có tính quyết định tới mức độ tăng trưởng hay suy thoái của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền là đối tượng có khả năng phát sinh rủi ro hơn các loại tài sản khác, vì vậy nó cần được quản lý chặt chẽ, thường xuyên kiểm tra kiểm soát các khoản thu chi bằng tiền là rất cần thiết. Trong quản lý người ta sử dụng nhiều công cụ quản lý khác nhau như thống kê, phân tích các hoạt động kinh tế nhưng kế toán luôn được coi là công cụ quản lý kinh tế quan trọng nhất. Với chức năng ghi chép, tính toán, phản ánh giám sát thường xuyên liên tục do sự biến động của vật tư, tiền vốn, bằng các thước đo giá trị và hiện vật, kế toán cung cấp các tài liệu cần thiết về thu chi vốn bằng tiền đáp ứng yêu cầu quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các thông tin kinh tế tài chính do kế toán cung cấp giúp cho chủ doanh nghiệp và những người quản lý doanh nghiệp nắm vững tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc sử dụng vốn để từ đó thấy được mặt mạnh, mặt yếu để có những quyết định và chỉ đạo sao cho quá trình sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

1.1.5. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền

Để thực hiện tốt việc quản lý vốn bằng tiền, với vai trò dụng cụ quản lý kinh tế, kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh chính xác kịp thời những khoản thu chi và tình hình còn lại của từng loại vốn bằng tiền, kiểm tra và quản lý nghiêm ngặt việc quản lý các loại vốn bằng tiền nhằm đảm bảo an toàn cho tiền tệ, phát hiện và ngăn ngừa các hiện tượng tham ô và lợi dụng tiền mặt trong kinh doanh.
- Giám sát tình hình thực hiện kế toán thu chi các loại vốn bằng tiền, kiểm tra việc chấp hành nghiêm chỉnh chế độ quản lý vốn bằng tiền, đảm bảo chi tiêu tiết kiệm và có hiệu quả cao.

1.1.6. Nguyên tắc kế toán vốn bằng tiền

Kế toán vốn bằng tiền phải tôn trọng đầy đủ các quy tắc, các chế độ quản lý và lưu thông tiền tệ hiện hành. Cụ thể:

1) Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất đó là đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng.

2) Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.

Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 1112, TK 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ sách TK 1112, hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.

Nhóm tài khoản có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ. Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì phản ánh số chênh lệch này trên các tài khoản doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính (nếu phát sinh trong giai đoạn sản xuất kinh doanh kể cả doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hoạt động đầu

tư xây dựng cơ bản) hoặc phản ánh vào TK 413 (nếu phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản giai đoạn trước hoạt động). Số dư cuối kỳ các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

3) Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách phẩm chất của từng thứ từng loại. Giá trị vàng bạc, kim khí quý, đá quý được tính theo giá thực tế (giá hóa đơn hoặc giá được thanh toán), khi tính giá xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính giá hàng tồn kho.

Nếu thực hiện đúng các nhiệm vụ và nguyên tắc trên thì hạch toán vốn bằng tiền sẽ giúp cho doanh nghiệp quản lý tốt vốn bằng tiền, chủ động trong việc thực hiện kế hoạch thu chi và sử dụng vốn có hiệu quả cao.

1.2. Kế toán tiền mặt tại quỹ

Mỗi doanh nghiệp đều có một lượng tiền mặt tại quỹ để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh. Thông thường tiền giữ tại doanh nghiệp bao gồm: giấy bạc Ngân hàng Việt Nam, các loại ngoại tệ, ngân phiếu, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý...

Để hạch toán chính xác tiền mặt thì tiền mặt của doanh nghiệp phải được tập trung tại quỹ, mọi nghiệp vụ có liên quan đến thu, chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện. Thủ quỹ không được nhờ người khác làm thay. Trong trường hợp cần thiết thì phải làm thủ tục ủy quyền cho người làm thay và phải được sự đồng ý của Giám đốc.

Thủ quỹ phải thường xuyên kiểm tra quỹ đảm bảo tiền mặt tồn quỹ phải phù hợp với số dư trên sổ quỹ. Hàng ngày sau khi thu, chi tiền thủ quỹ phải ghi vào sổ quỹ cuối ngày, phải lập báo cáo quỹ, nộp cho kế toán.

Hàng ngày, sau khi nhận được báo cáo quỹ kèm theo các chứng từ gốc do thủ quỹ gửi đến, kế toán quỹ phải đối chiếu, kiểm tra số liệu đã ghi trên sổ quỹ.

Sau khi kiểm tra xong sổ quỹ, kế toán định khoản và ghi vào sổ tổng hợp tài khoản quỹ tiền mặt.

1.2.1. Nguyên tắc kế toán tiền mặt

Kế toán tiền mặt cần tuân theo những nguyên tắc sau:

1) Chi phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt”, số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào Ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của đơn vị) thì không ghi vào bên nợ TK 111 “Tiền mặt” mà ghi vào bên nợ TK 113 “Tiền đang chuyển”.

2) Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị.

3) Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập, xuất quỹ đính kèm.

4) Kế toán tiền mặt phải có trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày và liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, nhập, xuất quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

5) Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt, nếu có chênh lệch thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

6) Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 1112, TK 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh (như một loại hàng hóa đặc biệt).

7) Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý. Ở các doanh nghiệp có vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập, xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho, khi sử dụng để thanh toán chi trả được hạch toán như ngoại tệ.

1.2.2. Chứng từ hạch toán tiền mặt

- Phiếu thu (Mẫu số 01 - TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03 - TT)
- Giấy đề nghị thanh toán tiền tạm ứng (Mẫu số 04 - TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 05 - TT)
- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06 - TT)

.....

Phiếu thu, phiếu chi được kế toán lập từ 2 đến 3 liên đặt giấy than viết một lần, sau khi ghi đầy đủ các nội dung trên phiếu và ký vào phiếu chuyển cho kế toán trưởng duyệt (và cả thủ trưởng đơn vị - đối với phiếu chi), sau đó chuyển cho thủ quỹ làm căn cứ nhập xuất quỹ. Thủ quỹ giữ lại một liên để ghi sổ, một liên giao cho người nộp tiền (hoặc người nhận tiền), một liên lưu tại nơi lập phiếu. Cuối ngày toàn bộ phiếu thu, phiếu chi được thủ quỹ chuyển cho kế toán để ghi sổ kế toán.

1.2.3. Tài khoản sử dụng

Để hạch toán tiền mặt tại quỹ, kế toán sử dụng TK 111 “Tiền mặt. Tài khoản 111 dùng để phản ánh tình hình thu chi tồn quỹ tiền mặt gồm tiền Việt Nam (kể cả ngân phiếu), ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý của doanh nghiệp.

Kết cấu TK 111 như sau:

✎ Bên Nợ :

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ.

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CPTM Ngọc Dung

- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.

- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt là ngoại tệ).

✎ Bên Có :

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ.

- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thiếu ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.

- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt là ngoại tệ).

✎ Số dư bên Nợ :

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn tồn ở quỹ tiền mặt.

Tài khoản 111 gồm có 3 tài khoản cấp hai :

- TK 1111 - Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.

- TK 1112 - Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ, quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra đồng Việt Nam.

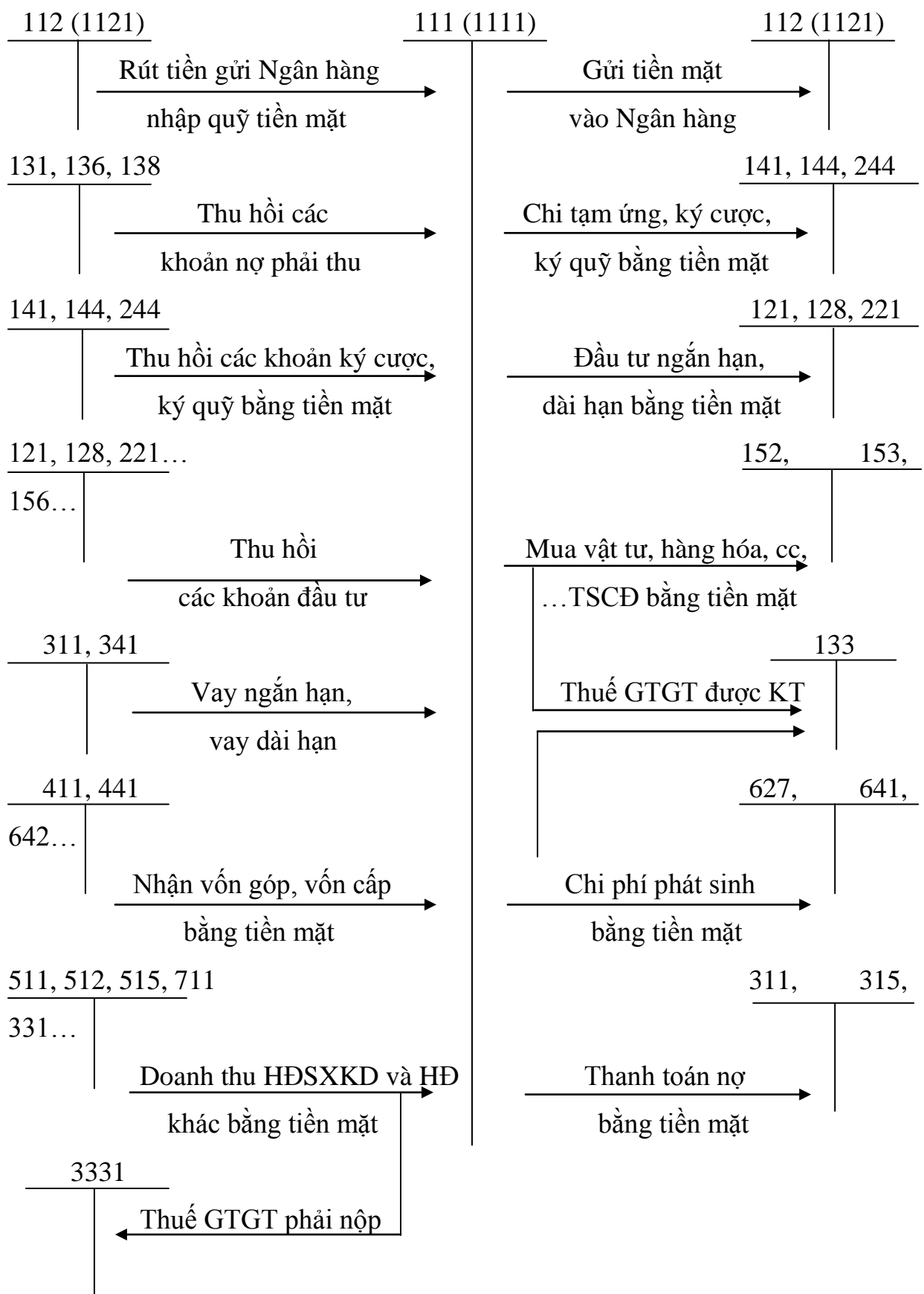
- TK 1113 - Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập xuất quỹ, tồn quỹ.

1.2.4. Phương pháp hạch toán kế toán một số hoạt động kinh tế chủ yếu

1.2.4.1. Kế toán tiền mặt bằng tiền Việt Nam

Kế toán tiền mặt bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ 1.1 như sau:

Sơ đồ 1.1. Kế toán tiền mặt (VNĐ)



1.2.4.2. Kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ.

Đối với ngoại tệ, ngoài việc quy đổi ra đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi ngoại tệ trên tài khoản 007 “Ngoại tệ các loại”. Việc quy đổi ra đồng Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau:

- Đối với tài khoản thuộc loại chi phí, thu nhập, vật tư, hàng hoá, tài sản cố định... dù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán, khi có phát sinh các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đều phải luôn luôn ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các tài khoản tiền, các tài khoản phải thu, phải trả được ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản chênh lệch tỷ giá (nếu có) của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào tài khoản 635 và 515.

- Các doanh nghiệp có nhiều nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ có thể sử dụng tỷ giá hạch toán để ghi sổ các tài khoản tiền, phải thu, phải trả. Số chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá mua của Ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào tài khoản 635 và 515

➤ Kết cấu tài khoản 007 - Ngoại tệ các loại

✎ Bên Nợ : Ngoại tệ tăng trong kỳ.

✎ Bên Có : Ngoại tệ giảm trong kỳ.

✎ Dư Nợ : Ngoại tệ hiện có.

➤ Cuối kỳ đánh giá lại giá trị ngoại tệ

✎ Bên Nợ :

- Chênh lệch tỷ giá giảm của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hoá, nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

- Chênh lệch tỷ giá tăng của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

- Xử lý chênh lệch tỷ giá.

✎ Bên Có :

- Chênh lệch tỷ giá tăng của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hoá và nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

- Chênh lệch tỷ giá giảm của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

- Xử lý chênh lệch tỷ giá.

Tài khoản này cuối kỳ có thể dư Có hoặc dư Nợ.

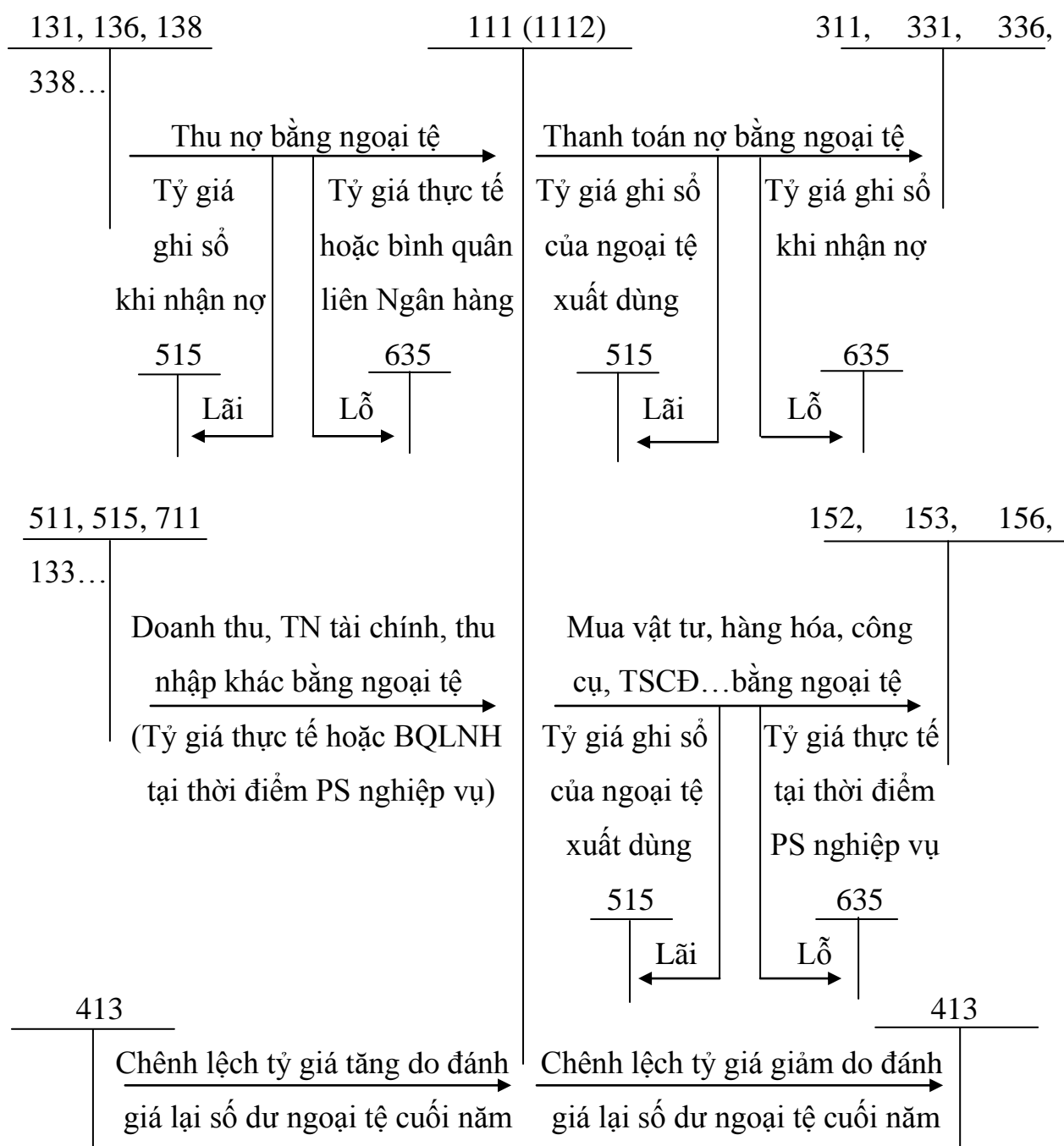
✎ Dư Nợ : Chênh lệch tỷ giá cần phải được xử lý.

✎ Dư Có : Chênh lệch tỷ giá còn lại.

Số chênh lệch tỷ giá trên TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái chỉ được xử lý (ghi tăng hoặc giảm vốn kinh doanh, hạch toán vào lãi hoặc lỗ) khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

☞ Kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ 1.2 như sau:

Sơ đồ 1.2. Kế toán tiền mặt (Ngoại tệ)



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 - Ngoại tệ các loại.

007

Thu nợ bằng ngoại tệ - Doanh thu, TN tài chính, TN khác bằng ngoại tệ	Thanh toán nợ bằng ngoại tệ - Mua vật tư, hàng hóa, công cụ, TSCĐ... bằng ngoại tệ
---	--

1.2.4.3. Kế toán tiền mặt là vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

Khi có nghiệp vụ phát sinh liên quan đến vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thì doanh nghiệp phản ánh vào TK 111 (1113). Do vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có giá trị cao nên khi mua cần có đầy đủ các thông tin như: ngày mua, mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán... Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được ghi sổ theo giá thực tế, khi xuất có thể sử dụng một trong các phương pháp tính giá như: phương pháp bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước hay thực tế đích danh.

1.3. Kế toán tiền gửi Ngân hàng

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản thanh toán giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua Ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn, vừa thuận tiện, vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật thanh toán.

Theo chế độ quản lý tiền mặt và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số được giữ tại quỹ tiền mặt (theo thoả thuận của doanh nghiệp với Ngân hàng) đều phải gửi vào tài khoản tại Ngân hàng. Các khoản tiền của doanh nghiệp tại Ngân hàng bao gồm: tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, trên các tài khoản tiền gửi chính, tiền gửi chuyên dùng cho các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền, thư tín dụng. Để chấp hành tốt kỷ luật thanh toán đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi chặt chẽ tình hình biến động và số dư của từng loại tiền gửi.

1.3.1. Nguyên tắc kế toán tiền gửi Ngân hàng

Kế toán tiền gửi Ngân hàng cần tuân theo những nguyên tắc sau:

1) Khi phát hành các chứng từ tài khoản tài khoản Ngân hàng, các doanh nghiệp chỉ được phép phát hành trong phạm vi số dư tiền gửi của mình. Nếu phát hành quá số dư là doanh nghiệp vi phạm kỷ luật thanh toán và phải chịu

phạt theo chế độ quy định. Chính vì vậy, kế toán trưởng phải thường xuyên phản ánh được số dư tài khoản phát hành các chứng từ thanh toán.

2) Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của Ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bản sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 - Phải thu khác (1388) (nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của Ngân hàng) hoặc được ghi vào bên Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3388) (nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

3) Tại những đơn vị có những tổ chức, bộ phận phụ thuộc, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi, mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho công tác giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (tiền Việt Nam đồng, ngoại tệ các loại).

4) Phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng tài khoản ở ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

5) Trường hợp gửi tiền vào ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc giao dịch bình quân trên thị trường tiền tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh. Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào Ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

Trường hợp rút tiền gửi từ Ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.

6) Trong giai đoạn sản xuất kinh doanh (kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên có TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” (lãi tỷ giá) hoặc vào bên nợ TK 635 “Chi phí tài chính” (lỗ tỷ giá).

7) Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”

1.3.2. Chứng từ hạch toán tiền gửi Ngân hàng

- Giấy báo nợ, giấy báo có của Ngân hàng.
- Bản sao kê của Ngân hàng (kèm theo các chứng từ gốc có liên quan như: séc chuyển khoản, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu...)

Kế toán chịu trách nhiệm mở sổ chi tiết để theo dõi từng loại tiền gửi: Việt Nam đồng, ngoại tệ hay vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và chi tiết theo từng Ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.

1.3.3. Tài khoản sử dụng

Để phản ánh tình hình biến động về tiền gửi kế toán sử dụng TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng. Tài khoản 112 dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động các khoản tiền gửi của doanh nghiệp tại các Ngân hàng và các công ty tài chính.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 112:

☒ Bên Nợ:

- Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính tăng trong kỳ
- Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tăng (đối với tiền gửi ngoại tệ).

☒ Bên Có:

- Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính giảm trong kỳ
- Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ giảm (đối với tiền gửi ngoại tệ).

☒ Số dư bên Nợ:

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CPTM Ngọc Dung

- Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính hiện còn cuối kỳ
- Tài khoản 112 - Tiền gửi ngân hàng, có 3 tài khoản cấp hai:
 - TK 1121 - Tiền Việt Nam
 - TK 1122 - Ngoại tệ
 - TK 1123 - Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý

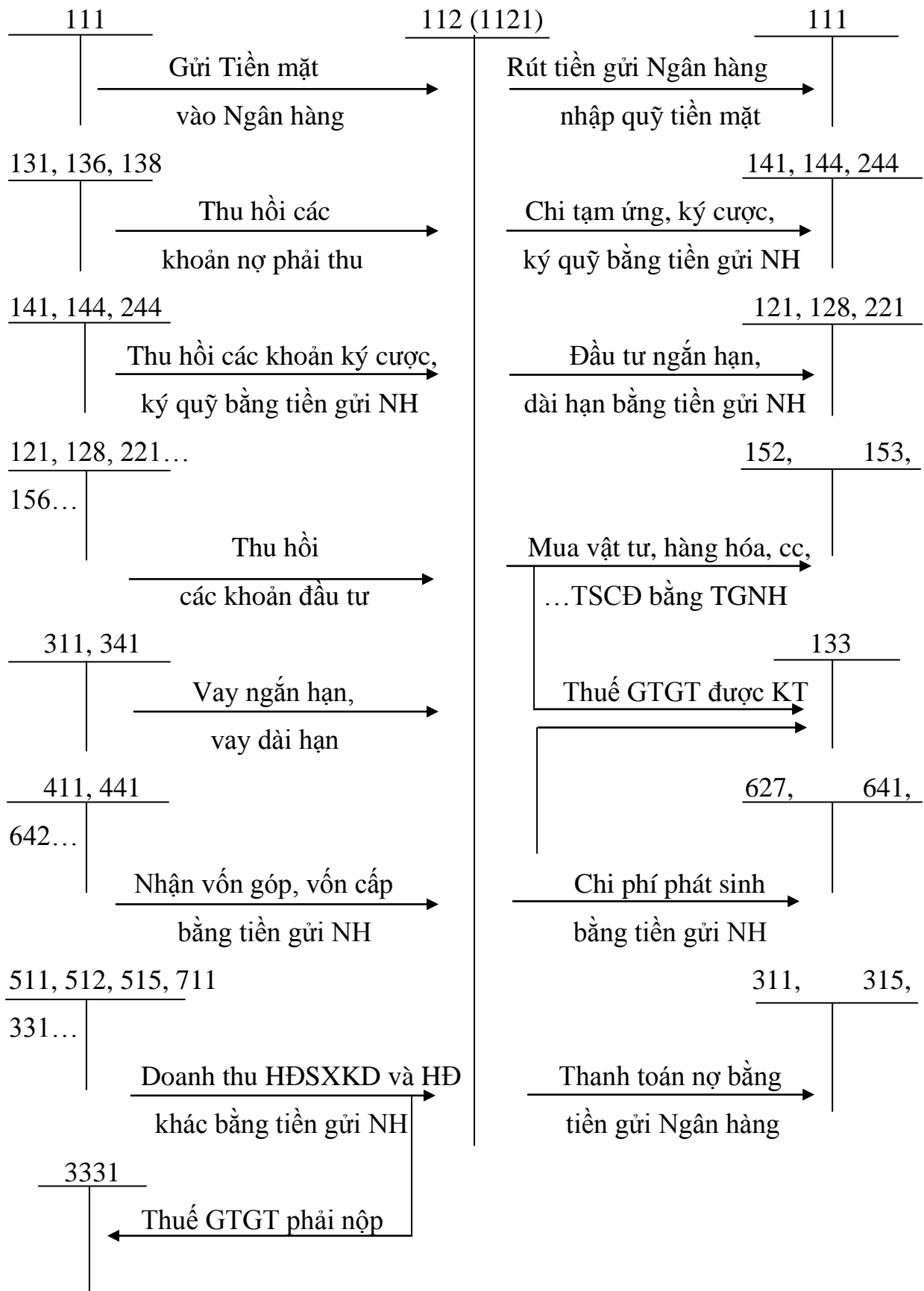
1.3.4. Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu.

1.3.4.1. Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam

Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ

1.3 như sau:

Sơ đồ 1.3. Kế toán tiền gửi Ngân hàng (VNĐ)

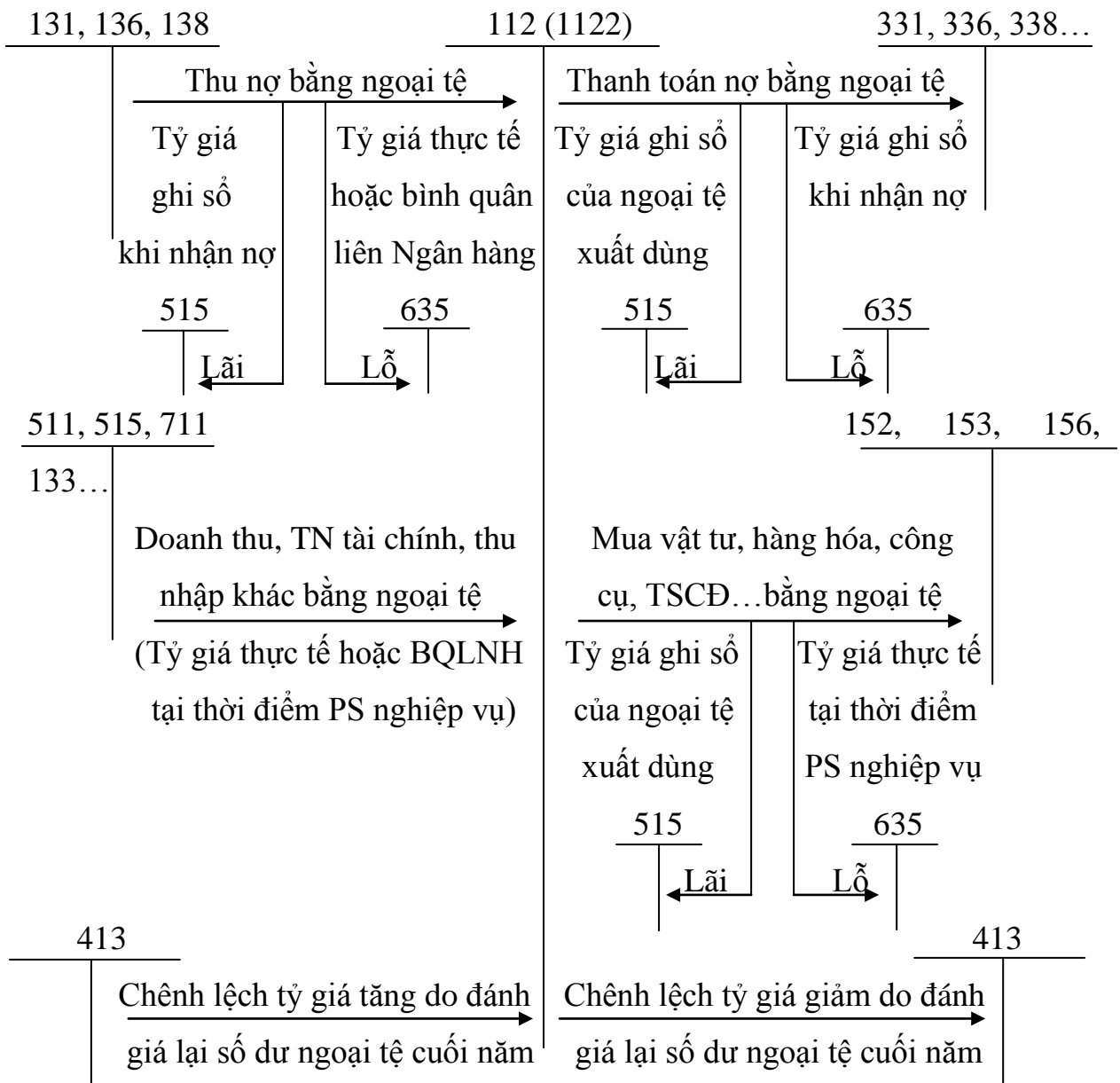


1.3.4.2. Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ.

Kế toán thực hiện tương tự phần kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ.

☞ Kế toán tiền gửi Ngân hàng là ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ 1.4 như sau:

Sơ đồ 1.4. Kế toán tiền gửi Ngân hàng (Ngoại tệ)



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 - Ngoại tệ các loại.

007	
Thu nợ bằng ngoại tệ - Doanh thu, TN tài chính,	Thanh toán nợ bằng ngoại tệ - Mua vật tư, hàng hóa, công

TN khác bằng ngoại tệ cụ, TSCĐ...bằng ngoại tệ

1.4. Kế toán tiền đang chuyển

1.4.1. Nguyên tắc kế toán tiền đang chuyển

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, kho bạc Nhà nước hoặc đã gửi vào bưu điện để chuyển cho Ngân hàng hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính theo tỷ lệ trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hay bản sao kê của Ngân hàng. Tiền đang chuyển gồm tiền Ngân hàng Việt Nam và ngoại tệ các loại phát sinh trong các trường hợp:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho Ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác.
- Thu tiền bán hàng nộp thuế vào kho bạc.

1.4.2. Chứng từ hạch toán tiền đang chuyển.

- Giấy báo nhận tiền của đơn vị tiền đang chuyển, phiếu chi, giấy nộp tiền, phiếu chuyển tiền qua bưu điện, giấy báo Có, bản sao kê Ngân hàng.

1.4.3. Tài khoản sử dụng

Kế toán tiền đang chuyển sử dụng TK 113 “Tiền đang chuyển”. Tài khoản 113 dùng để phản ánh tình hình và sự biến động tiền đang chuyển của doanh nghiệp. Nội dung ghi chép của TK 113 như sau:

- ☒ Bên Nợ: Các khoản tiền đang chuyển tăng trong kỳ.
- ☒ Bên Có: Các khoản tiền đang chuyển giảm trong kỳ.
- ☒ Số dư bên Nợ: Các khoản tiền còn đang chuyển đến cuối kỳ.

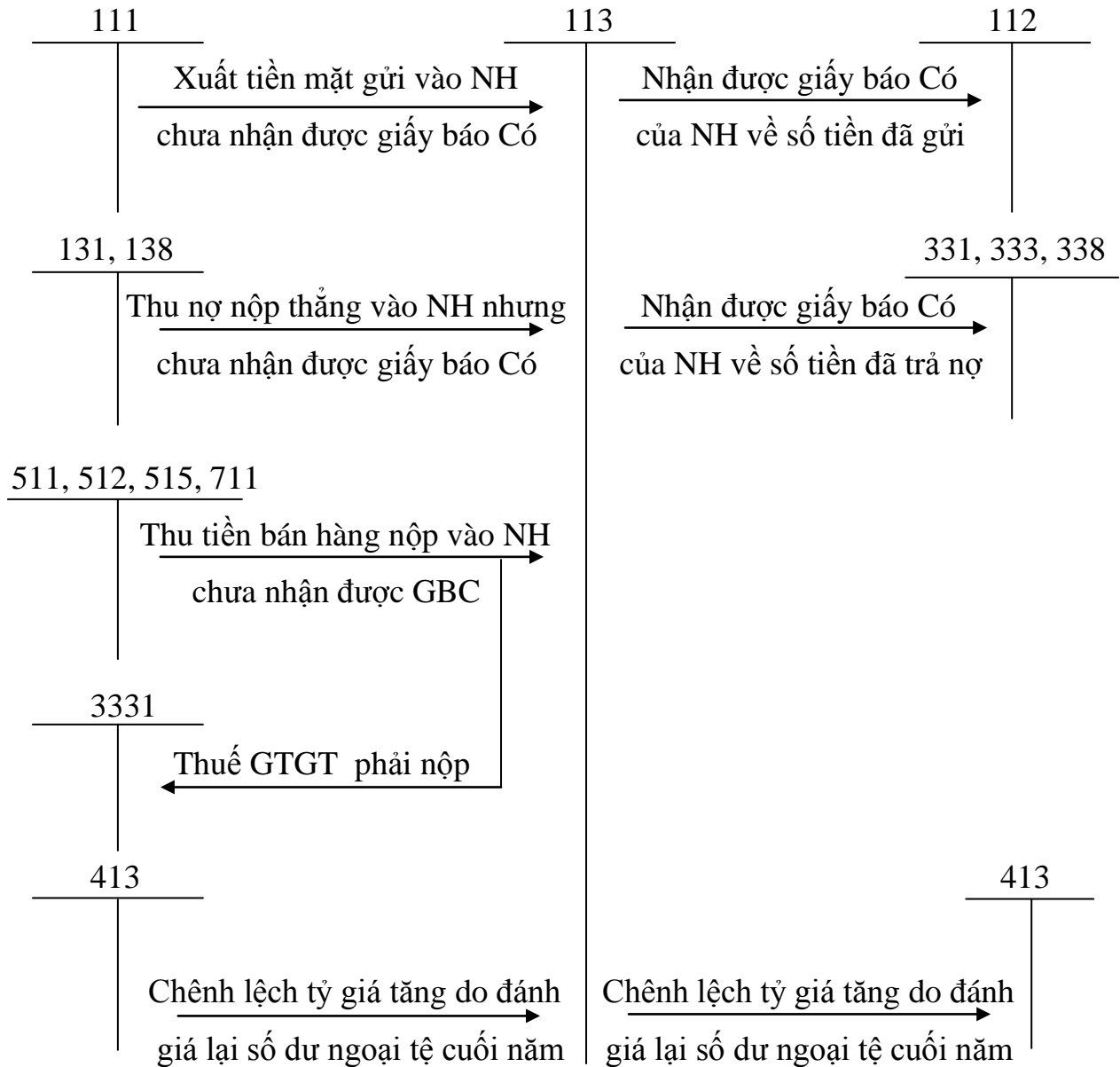
TK 113 được chi tiết thành 2 tài khoản cấp hai:

- TK 1131: Tiền Việt Nam.
- TK 1132: Ngoại tệ.

1.4.4. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu.

Kế toán tiền đang chuyển được thể hiện qua sơ đồ 1.5 như sau:

Sơ đồ 1.5. Kế toán tiền đang chuyển



1.5. Các hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền.

Hình thức ghi sổ kế toán trong doanh nghiệp bao gồm: Số lượng các mẫu sổ, kết cấu từng loại sổ, trình tự và phương pháp ghi chép từng loại sổ, mối quan hệ giữa các loại sổ kế toán với nhau và giữa sổ kế toán và báo cáo kế toán.

Việc lựa chọn nội dung và hình thức ghi sổ kế toán cho phù hợp với doanh nghiệp phụ thuộc vào một số điều kiện sau:

➤ Đặc điểm của từng loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tính chất phức tạp của hoạt động tài chính, quy mô doanh nghiệp lớn hay nhỏ, khối lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều hay ít.

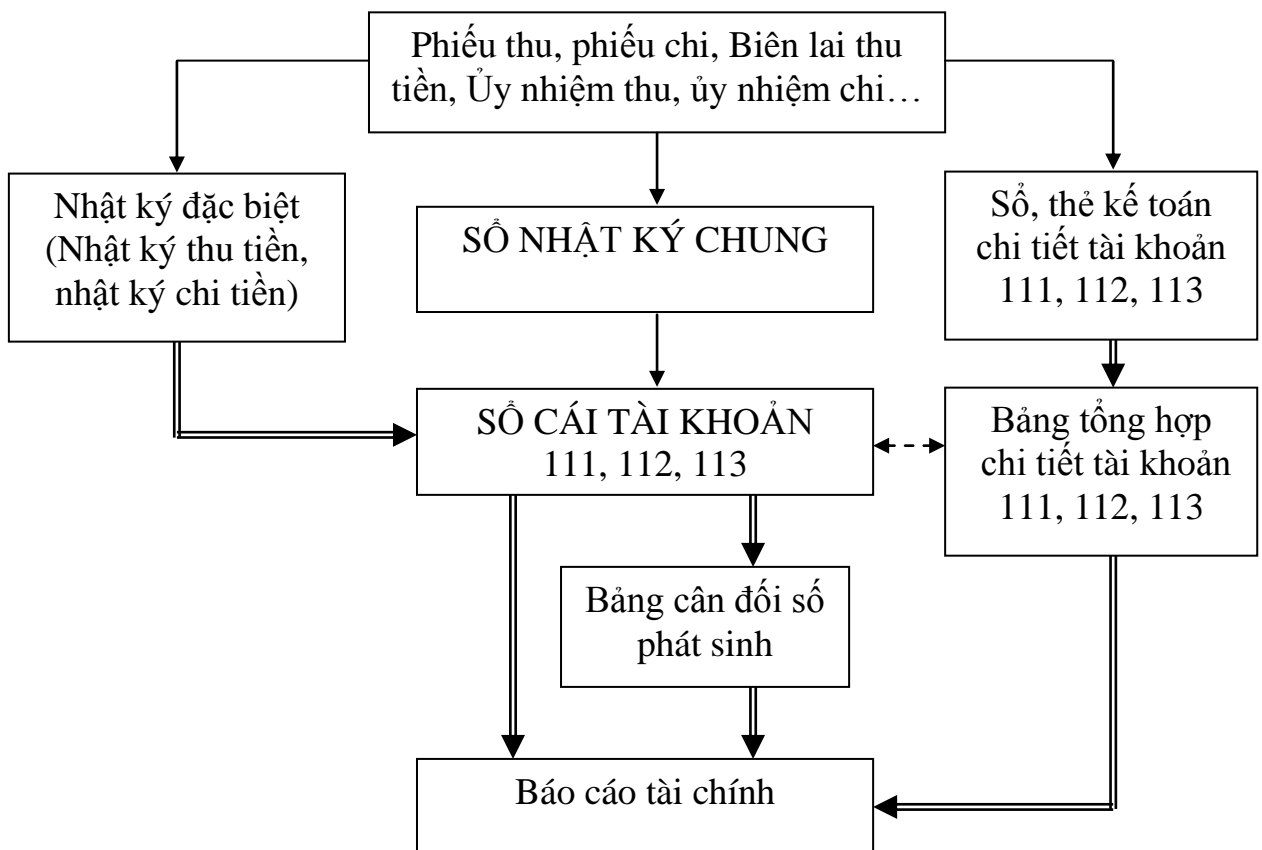
- Yêu cầu của công tác quản lý, trình độ của cán bộ quản lý.
- Trình độ nghiệp vụ và năng lực công tác của nhân viên kế toán.
- Điều kiện và phương tiện vật chất phục vụ cho công tác kế toán.

Hiện nay, theo chế độ quy định có 5 hình thức ghi sổ kế toán sau: Nhật ký chung, nhật ký - sổ cái, nhật ký chứng từ, chứng từ ghi sổ và kế toán máy.

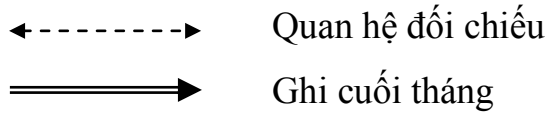
1.5.1. Hình thức Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải ghi vào nhật ký mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Sơ đồ 1.6. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



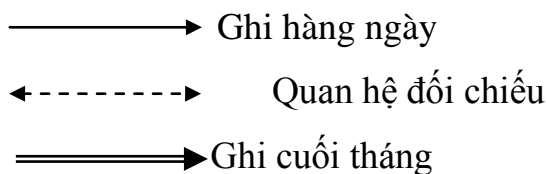
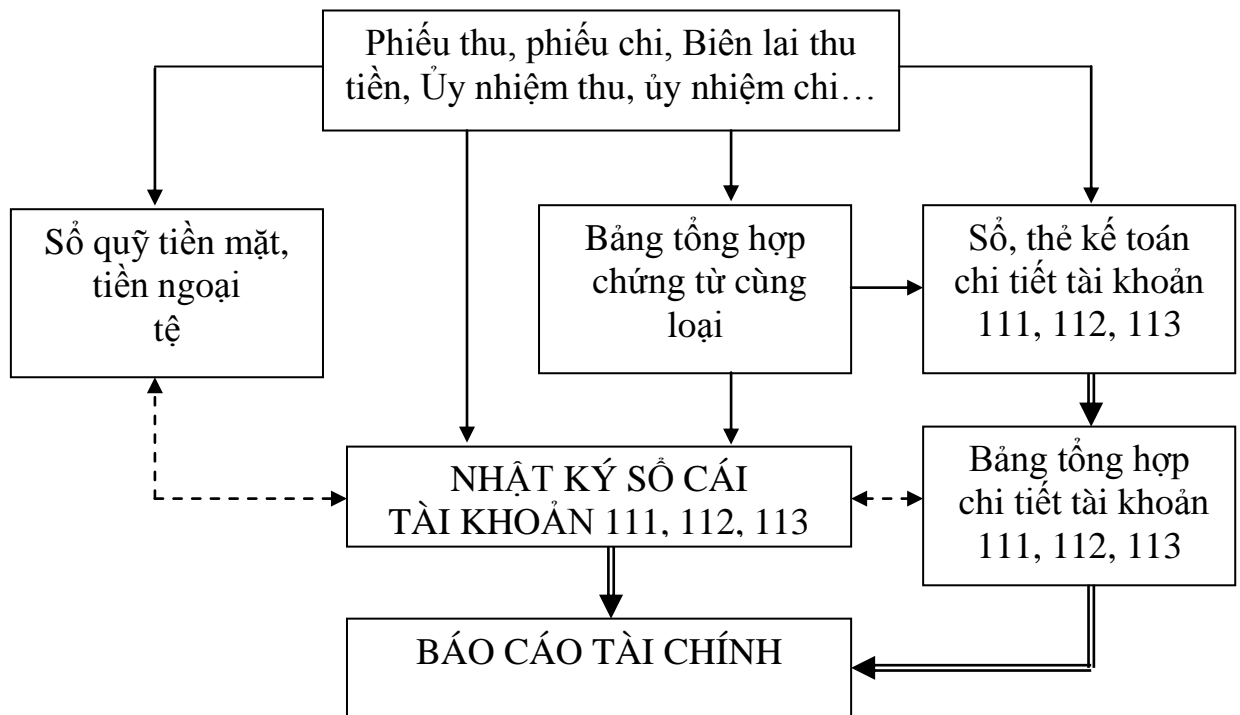
—————> Ghi hàng ngày



1.5.2. Hình thức Nhật ký - sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký - sổ cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Sơ đồ 1.7. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - sổ cái



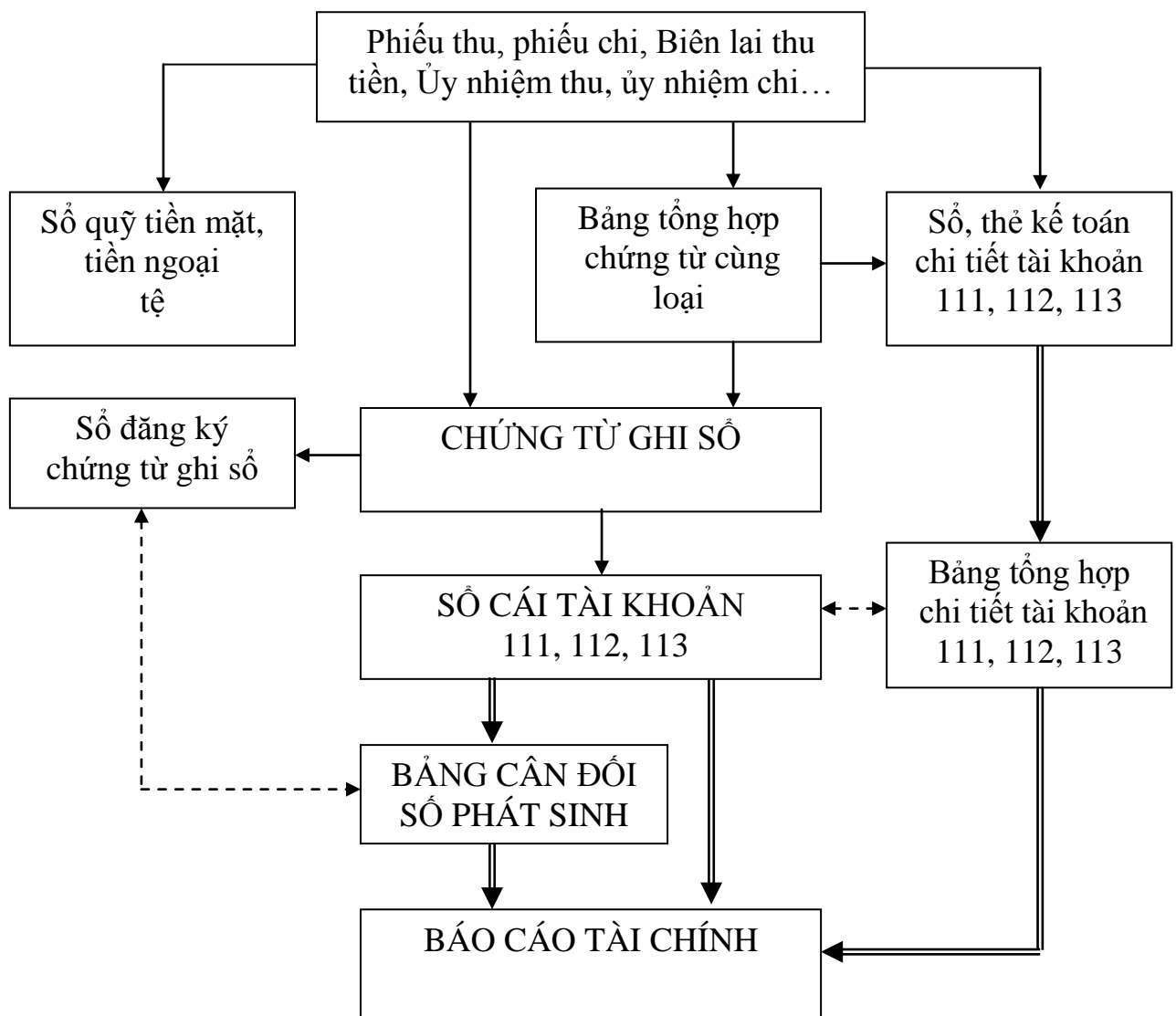
1.5.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là Chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái
- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Sơ đồ 1.8. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ



—————> Ghi hàng ngày

←-----> Quan hệ đối chiếu

=====> Ghi cuối tháng

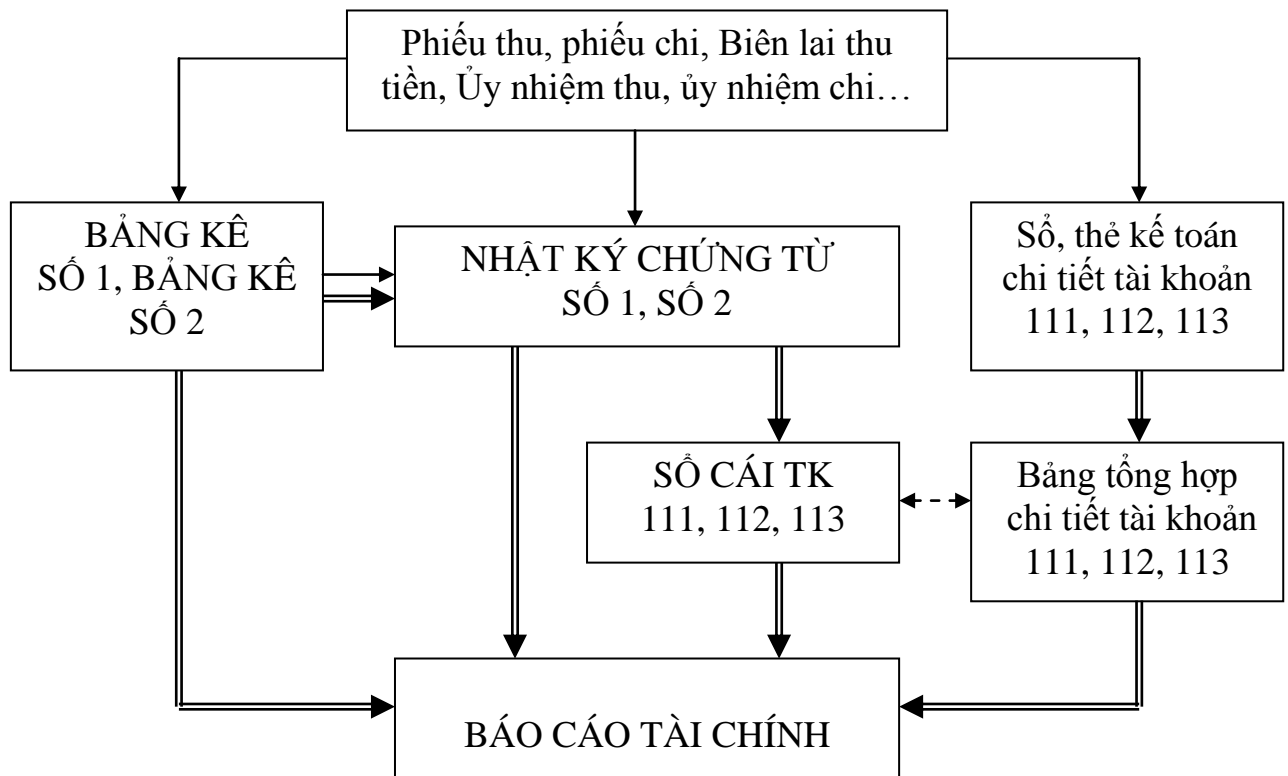
1.5.4. Hình thức Nhật ký chứng từ

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký chứng từ: Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các loại tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.

- Kết hợp chặt chẽ với việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản)

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép

Sơ đồ 1.9. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ



- > Ghi hàng ngày
- ←-----> Quan hệ đối chiếu
- =====> Ghi cuối tháng

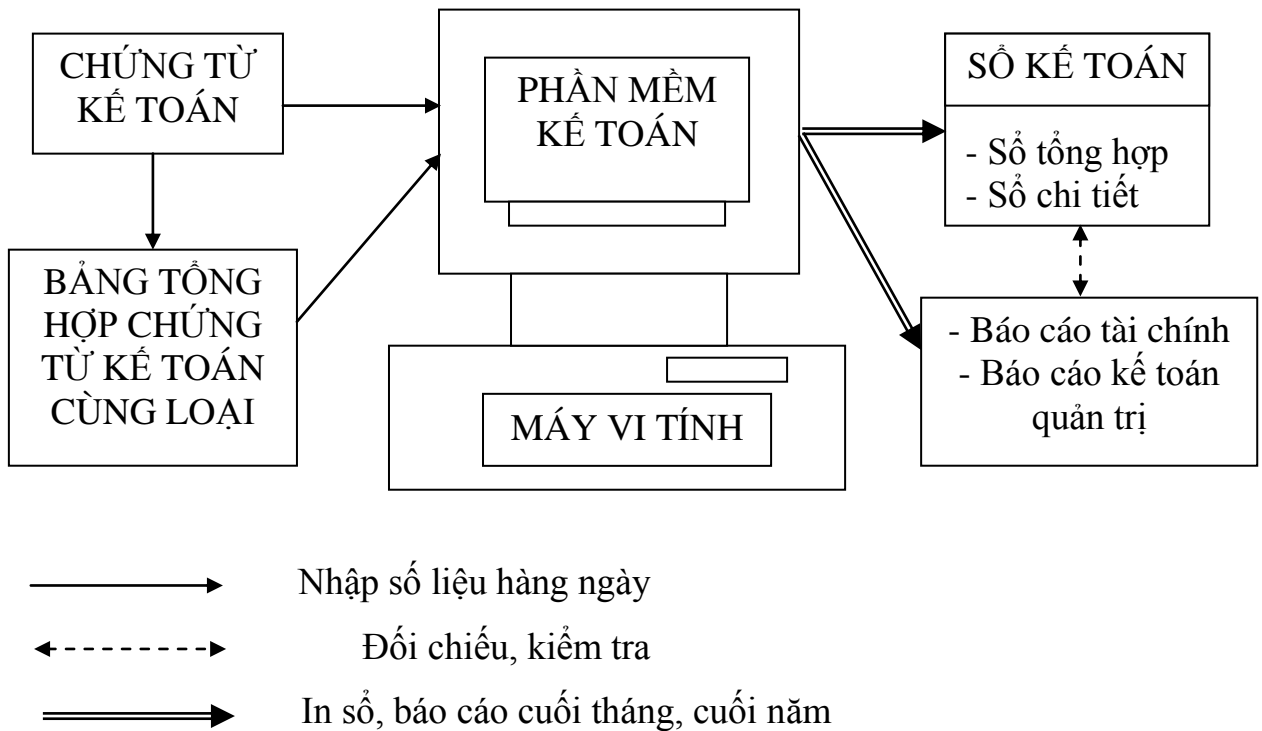
1.5.5. Hình thức Kế toán máy

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm trên máy vi tính. Phần mềm kế toán

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CPTM Ngọc Dung

được thiết kế theo một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán được quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy



CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CPTM NGỌC DUNG

2.1. Khái quát về Công ty CPTM Ngọc Dung

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.

Công ty Liên doanh CPTM Ngọc Dung thành lập ngày 04 tháng 08 năm 1992 theo giấy phép đầu tư số 396GP của Ủy ban nhà nước cấp.

Tên giao dịch quốc tế là Ngọc Dung Company, Trading joint stock.

Trụ sở chính đặt tại số: Số 21 đường Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng.

Mở tài khoản giao dịch tại ngân hàng Công Thương – Chi nhánh quận Hồng Bàng - Hải Phòng

- Tổng số vốn đầu tư : 4.500.000.000
- Vốn pháp định : 1.000.000.000

Thời gian hoạt động của công ty là 20 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư số 396GP.

Từ khi thành lập cho tới nay, cùng với sự phát triển đi lên của đất nước nói chung và của thành phố nói riêng, Công ty đã không ngừng nỗ lực phấn đấu, cải tiến khoa học kỹ thuật, từng bước đưa Doanh nghiệp phát triển lớn mạnh.

Bên cạnh đó, Công ty CPTM Ngọc Dung đã chú trọng, tăng cường việc quản lý lao động, vật tư, tiền vốn, quản lý về chất lượng sản phẩm, cải tiến quy trình sản xuất, tìm ra các biện pháp tốt nhất hạ giá thành sản phẩm nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm góp phần nâng cao uy tín và thương hiệu của công ty.

Từ năm 2000 -2010, công ty liên tục được UBND Thành phố Hải Phòng tặng bằng khen về việc thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh góp phần lớn cho nền kinh tế của thành phố.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.

2.1.2.1. Chức năng, nhiệm vụ của công ty

Công ty CPTM Ngọc Dung là một doanh nghiệp có t- cách pháp nhân hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ của mình và đ- ợc pháp luật bảo vệ. Công ty có chức năng và nhiệm vụ nh- sau:

- Xây dựng, tổ chức, thực hiện sản xuất theo đúng ngành nghề đã đăng ký, đúng mục đích thành lập doanh nghiệp.

- Tuân thủ chính sách, chế độ pháp luật của Nhà n- ớc về quản lý quá trình thực hiện sản xuất và tuân thủ những quy định trong các hợp đồng kinh doanh với các bạn hàng trong và ngoài nước

- Quản lý và sử dụng vốn theo đúng quy định và đảm bảo có lãi

- Thực hiện việc nghiên cứu phát triển nhằm nâng cao năng suất lao động cũng như thu nhập của người lao động, nâng cao sức cạnh tranh của công ty trên thị trường trong và ngoài nước

- Chịu sự kiểm tra và thanh tra của các cơ quan Nhà nước, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật

- Thực hiện những quy định của Nhà nước về bảo vệ quyền lợi của người lao động, vệ sinh và an toàn lao động, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững, thực hiện đúng những tiêu chuẩn kỹ thuật mà công ty áp dụng cũng như những quy định có liên quan tới hoạt động của công ty.

* Để tăng tính chủ động trong hoạt động kinh doanh, công ty có quyền hạn sau:

- Được chủ động đàm phán, ký kết và thực hiện những hợp đồng sản xuất kinh doanh. Tổng Giám đốc công ty là người đại diện cho công ty về quyền lợi, nghĩa vụ sản xuất kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật hiện hành

- Tham gia các hoạt động nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh như quảng cáo, mở các đại lý bán hàng.

- Hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng tại ngân hàng

2.1.2.2. Ngành nghề kinh doanh

+ Chủ yếu sản xuất kinh doanh và nhập khẩu nguyên vật liệu, hàng hoá thiết bị phụ tùng và các sản phẩm sắt thép .

+ Dịch vụ vận chuyển bốc xếp hàng hoá.

+ Kinh doanh xây dựng, cho thuê văn phòng kho bãi, dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà hàng và các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

2.1.3. Thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động.

2.1.3.1. Thuận lợi

Nhìn chung đội ngũ cán bộ Công ty thường xuyên củng cố, xây dựng , đổi mới các hoạt động sản xuất kinh doanh, từng bước hoàn thiện cơ chế quản lý nhằm thích ứng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường

- Tận hưởng nhận thức và kinh nghiệm sản xuất của đại bộ phận CBCNV qua nhiều năm đổi mới
- Nhu cầu thị trường tăng cao
- Thuận lợi về địa tầng trường của đất nước

2.1.3.2. Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi Công ty vẫn còn gặp không ít khó khăn về vấn đề tuyển dụng lao động. Sở dĩ khó khăn vẫn còn tồn tại bởi vì thời gian lao động trong ngày khá nhiều, cán bộ công nhân viên không đáp ứng được giờ làm , Doanh nghiệp không có chỗ ở cho lao động ở tỉnh xa mà chỉ có xe bus để đưa số lao động đó đi về hàng tuần. Mặt khác , Hải Phòng lại là thành phố có rất nhiều công ty kinh doanh mặt hàng sắt thép, các Doanh nghiệp cạnh tranh rất ác liệt tạo nên công ăn việc làm dôi dào trong khi nhân lực lại có hạn.

Tuy nhiên , cho dù những khó khăn vẫn đang tồn tại, Doanh nghiệp vẫn không ngừng phấn đấu, củng cố công tác quản lý , thực hiện tốt chế độ hạch toán kế toán , tiết kiệm chi phí , nâng cao hiệu quả quản trị kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước.

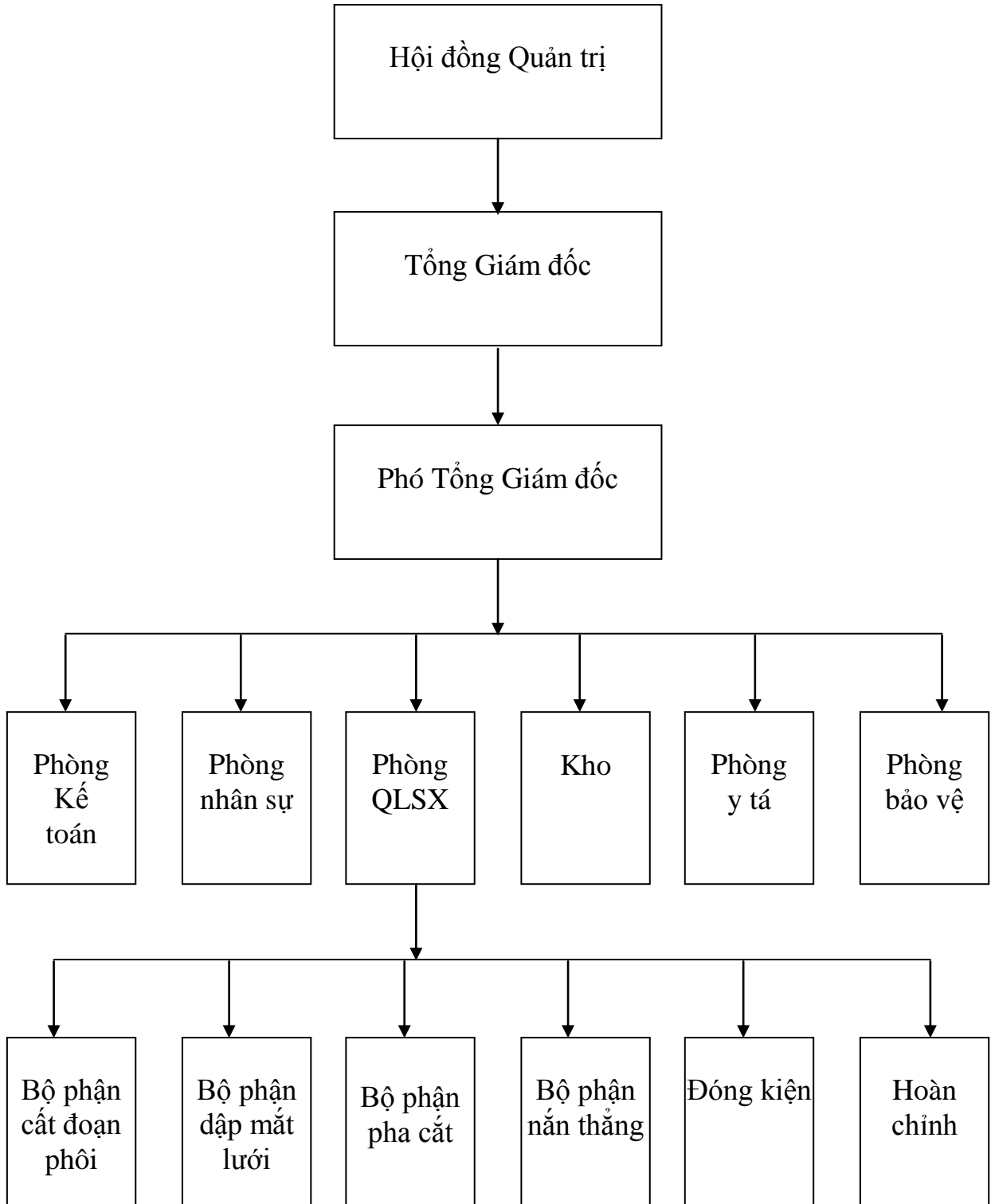
2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty.

Đối với mỗi Doanh nghiệp thì việc sắp xếp bộ máy tổ chức và quản lý nhân sự trong nội bộ Doanh nghiệp là vô cùng quan trọng. Đó là một trong những yếu tố quan trọng giúp Doanh nghiệp quản lý và hoạt động tốt.

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CPTM Ngọc Dung

Công ty CPTM Ngọc Dung là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, hoạt động quản lý và điều hành công ty theo mô hình bộ máy chức năng nhiều cấp.

Dưới đây là sơ đồ bộ máy quản lý Công ty CPTM Ngọc Dung.



SƠ ĐỒ 2.1 : BỘ MÁY QUẢN LÝ TẠI CÔNG TY CPTM NGỌC DUNG

* Công việc và trách nhiệm cụ thể của từng phòng ban

- **Hội đồng quản trị:** gồm có 5 thành viên. Hội đồng quản trị là bộ phận có vị thế cao nhất trong Công ty, có quyền và nhiệm vụ sau:

Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh các cổ đông của Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

+ Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và ph- ơng án đầu t- của Công ty

+ Kiến nghị ph- ơng án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty.

+ Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức năng quản lý trong Công ty.

- **Phòng kế toán:** có chức năng là giúp Cho Ban Giám đốc quản lý, theo dõi và giám sát các hoạt động tài chính của công ty thông qua việc thực hiện chế độ tài chính tài toán theo đúng quy định của Bộ tài chính đã ban hành.

- **Phòng nhân sự :** có chức năng tuyển dụng lao động . Sắp xếp vị trí làm việc của công nhân mới tham gia tuyển dụng dựa trên cơ sở kiểm tra và thời gian mà ng- ời lao động tham gia thử việc tại Công ty.

- **Phòng quản lý sản xuất :** đây là một trong những bộ phận quan trọng của Công ty. Bộ phận quản lý sản xuất bao gồm đội ngũ nhân viên với kinh nghiệm cao có nhiệm vụ sắp xếp , quản lý mọi bộ phận sản xuất nhỏ của công ty

- **Kho :** là bộ phận liên quan trực tiếp tới phòng quản lý sản xuất và phòng kế toán. Kho quản lý các nguyên vật liệu nhập vào và xuất kho hàng ngày. Tất cả các số liệu xuất nhập đều phải chuyển lên bộ phận kế toán để hạch toán

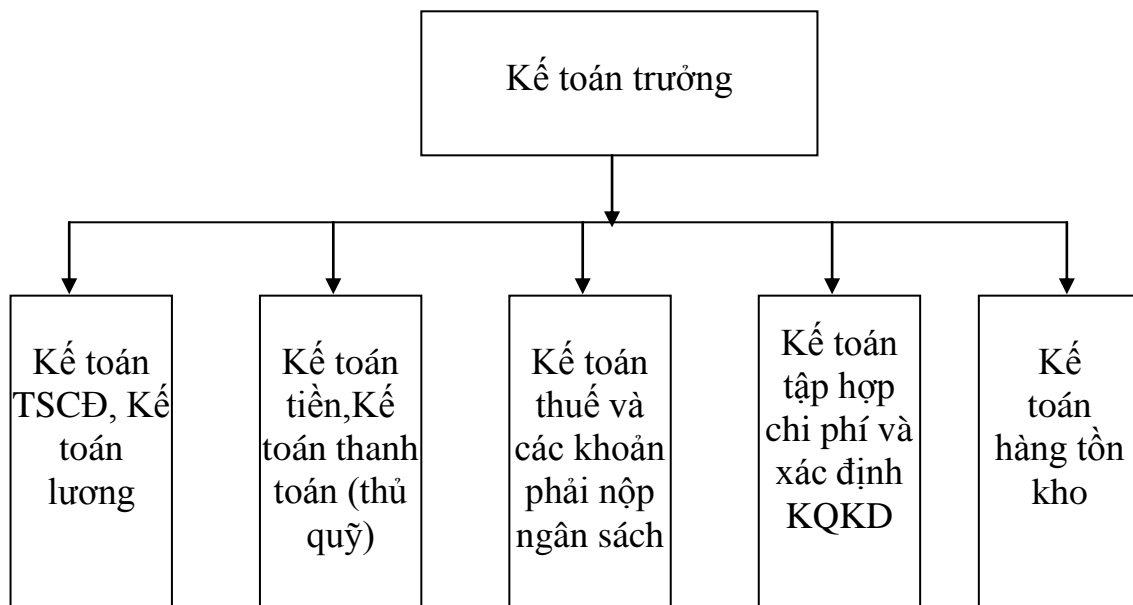
- **Phòng y tế và bảo vệ :** Là bộ phận đảm bảo an ninh và sức khỏe cho công nhân viên chức toàn công ty .

Bộ máy quản lý của Công ty đóng vai trò quan trọng trong công việc sản xuất kinh doanh và phát triển của công ty.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty

2.1.5.1. Cơ cấu bộ máy kế toán :

Đứng đầu bộ máy kế toán là kế toán trưởng trực tiếp quản lý nhân viên kế toán, chịu trách nhiệm tài chính trước lãnh đạo Công ty, xử lý và cung cấp các thông tin kinh tế, đứng sau là các nhân viên kế toán gồm có 6 người, mỗi người chịu trách nhiệm 1 phần hành kế toán cơ bản giúp lãnh đạo Doanh nghiệp kiểm tra giám sát, theo dõi kết quả thực hiện kế hoạch sản phẩm, các chế độ chính sách về quản lý và phân phối lợi nhuận.



Sơ đồ 2.2 : Bộ máy kế toán tại công ty CPTM Ngọc Dung

- **Trưởng phòng Kế toán:** là một Kế toán tổng hợp, có mối liên hệ trực tuyến với các Kế toán viên thành phần, có năng lực điều hành và tổ chức. Kế toán trưởng liên hệ chặt chẽ với Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh, tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về các chính sách Tài chính - Kế toán của Công ty, ký duyệt các tài liệu kế toán, phổ biến chủ trương và chỉ đạo thực hiện chủ trương về chuyên môn, đồng thời yêu cầu các bộ phận chức năng khác trong bộ máy quản lý ở đơn vị cùng phối hợp thực hiện những công việc chuyên môn có liên quan tới các bộ phận chức năng.

Các kế toán thành phần có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, chịu sự chỉ đạo trực tiếp về nghiệp vụ của Kế toán trưởng, trao đổi trực tiếp với Kế toán trưởng

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CPTM Ngọc Dung

về các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ cũng như về chế độ kế toán, chính sách tài chính của Nhà nước.

- **Kế toán TSCĐ, kế toán tiền lương:** theo dõi tính hình tăng giảm tài sản tại công ty, đồng thời tính toán và hạch toán tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, các khoản khấu trừ vào lương, các khoản thu nhập, trợ cấp cho cán bộ, công nhân viên trong công ty. Hàng tháng căn cứ vào sản lượng của các xí nghiệp và đơn giá lương của xí nghiệp cùng với hệ số lương gián tiếp đồng thời ghi nhận các bảng thanh toán lương do các nhân viên ở phòng kế toán gửi lên, tổng hợp số liệu lập bảng tổng hợp thanh toán lương của công ty, lập bảng phân bổ.

- **Kế toán hàng tồn kho :** theo dõi việc nhập xuất tồn của hàng hóa tại kho.

- **Kế toán thanh toán:** chịu trách nhiệm trong việc thanh toán và tình hình thanh toán với tất cả khách hàng cộng thêm cả phần công nợ phải trả. Sau khi kiểm tra tính hợp lệ hợp pháp của chứng từ gốc, kế toán thanh toán viết phiếu thu chi (đối với tiền mặt), séc, uỷ nhiệm chi....(đối với tiền gửi ngân hàng) hàng tháng lập bảng kê tổng hợp séc và sổ chi tiết đối chiếu với sổ sách thủ quỹ, sổ phụ ngân hàng, lập kế hoạch tiền mặt gửi lên cho ngân hàng có quan hệ giao dịch. Quản lý các tài khoản 111, 112 và các tài khoản chi tiết của nó. Đồng thời theo dõi các khoản công nợ phải thu, phải trả trong Công ty và giữa công ty với khách hàng... phụ trách tài khoản 131, 136, 141, 331, 333, 336.

- **Thủ quỹ:** Quản lý quỹ tiền mặt của công ty, hằng ngày căn cứ vào phiếu thu chi tiền mặt để xuất hoặc nhập quỹ tiền mặt, ghi sổ quỹ phần thu chi. Sau đó tổng hợp, đối chiếu thu chi với kế toán có liên quan.

2.5.1.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

Hiện nay công ty đang áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính , niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Hình thức ghi sổ của công ty áp dụng là hình thức “Nhật Ký Chung”

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CPTM Ngọc Dung

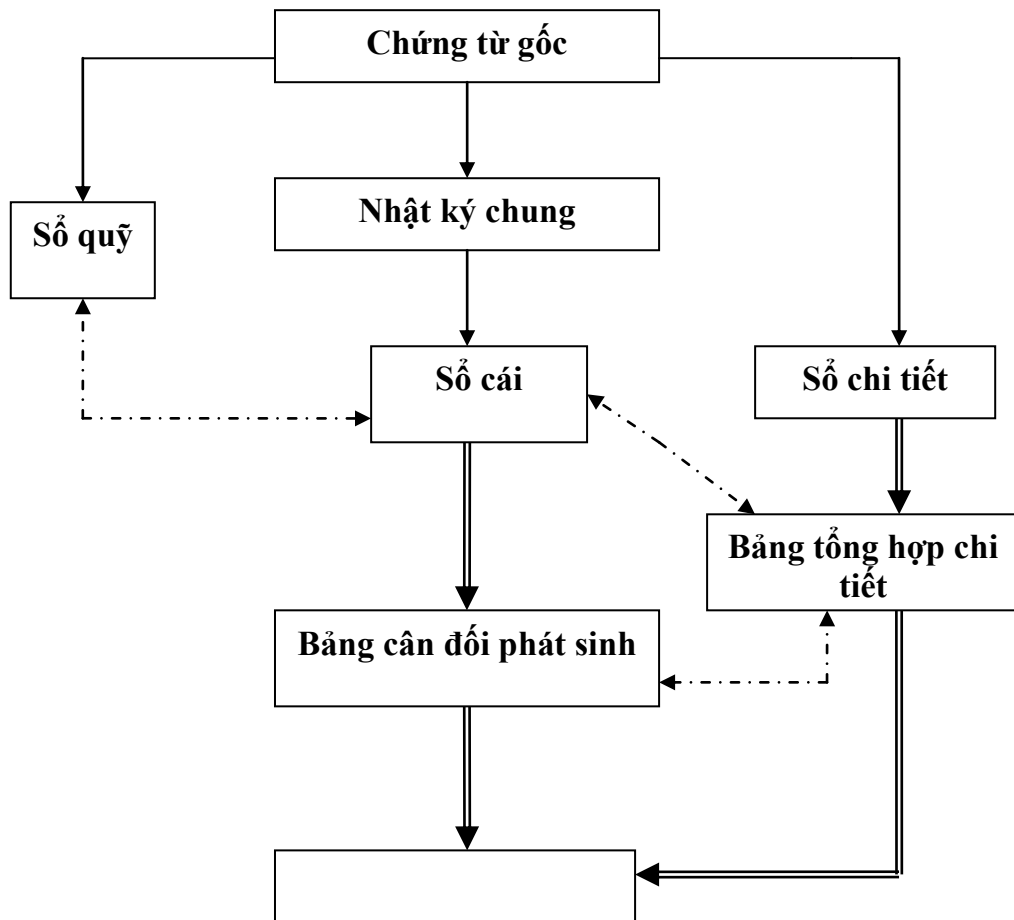
Phương pháp kế toán hàng tồn kho, thực hiện theo phương pháp “kê khai thường xuyên”, hàng tồn kho được ghi sổ theo giá gốc. Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp kế toán TSCĐ: TSCĐ được ghi sổ theo giá gốc, giá trị hao mòn và giá trị còn lại. Khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.

Tính GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Hàng năm lập báo cáo tổng hợp và quyết toán thuế.

- ❖ Trình tự hạch toán theo hình thức nhật ký chung tại Công ty được thể hiện qua sơ đồ 2.3



Ký hiệu:

- > : Ghi hàng ngày
- ←-----> : Đối chiếu kiểm tra
- =====> : Ghi vào cuối tháng

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CPTM Ngọc Dung

Theo hình thức nhật ký chung, hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc đã đ- ợc kiểm tra (các phiếu nhập, xuất kho, phiếu thu, chi tiền, giấy báo nợ, có...) kế toán vào nhật ký chung, sổ chi tiết. Từ nhật ký chung, kế toán vào Sổ cái TK, đến cuối tháng kế toán tập hợp từ sổ cái để vào bảng cân đối TK, đồng thời từ bảng cân đối TK và sổ tổng hợp chi tiết để vào báo cáo kế toán.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác Kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty CPTM Ngọc Dung.

2.2.1. Khái quát chung

- Hằng ngày, tại công ty CPTM Ngọc Dung các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến Vốn bằng tiền diễn ra thường xuyên như : Mua nguyên vật liệu, tạm ứng , rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt,....

- Kế toán thực hiện việc kiểm tra việc sử dụng đúng đắn và thường xuyên số tiền hiện có ở quỹ tiền mặt cũng như các tài khoản tiền gửi ngân hàng.

- Đôn đốc việc nộp tiền đầy đủ. Kiểm tra tình hình thu chi chấp hành những nguyên tắc , chế độ quản lý của Nhà nước đối với tiền tệ. Khi công ty có một khoản tiền nhàn rỗi chưa sử dụng đến công ty sẽ gửi vào Ngân hàng. Khi cần chi tiêu công ty làm thủ tục rút tiền hoặc chuyển tiền.

Tài khoản kế toán sử dụng:

- TK 111 : Tiền mặt
- TK 112 : Tiền gửi ngân hàng

Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu thu : Khi phát sinh các nghiệp vụ thu tiền kế toán viết hóa đơn GTGT và lập Phiếu thu với số tiền và lý do hợp lý đúng theo hóa đơn GTGT. Từ đó làm căn cứ lập nên Sổ Nhật ký chung, rồi vào sổ cái TK, từ đó làm căn cứ để cuối tháng lập Bảng cân đối số phát sinh và Báo cáo tài chính.

- Phiếu chi : Khi phát sinh các nghiệp vụ chi tiền mặt căn cứ vào Hóa đơn GTGT hàng mua hoặc Hóa đơn mua hàng đối với những hàng hóa không thuộc diện chịu thuế GTGT, kế toán lập Phiếu chi, số tiền đúng như trong Hóa đơn và lý do chi hợp lý. Từ đó làm căn cứ lập Sổ Nhật ký chung , rồi vào sổ cái TK, từ đó làm căn cứ để cuối tháng lập Bảng cân đối số phát sinh và Báo cáo tài chính.

- Ủy nhiệm chi(UNC), ủy nhiệm thu (UNT) : Sau khi phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chuyển khoản kế toán lập UNC,UNT và chuyển tới ngân hàng từ đó sẽ nhận được sổ hạch toán chi tiết, giấy báo có, giấy báo nợ. Căn cứ vào các chứng từ đó hàng ngày kế toán vào sổ Nhật ký chung, vào sổ cái TK ,cuối tháng lập Bảng cân đối số phát sinh và Báo cáo tài chính.

2.2.2. Kế toán Tiền mặt

2.2.2.1. Tài khoản, chứng từ, sổ sách sử dụng

Tài khoản sử dụng:

- TK 111 – Tiền mặt

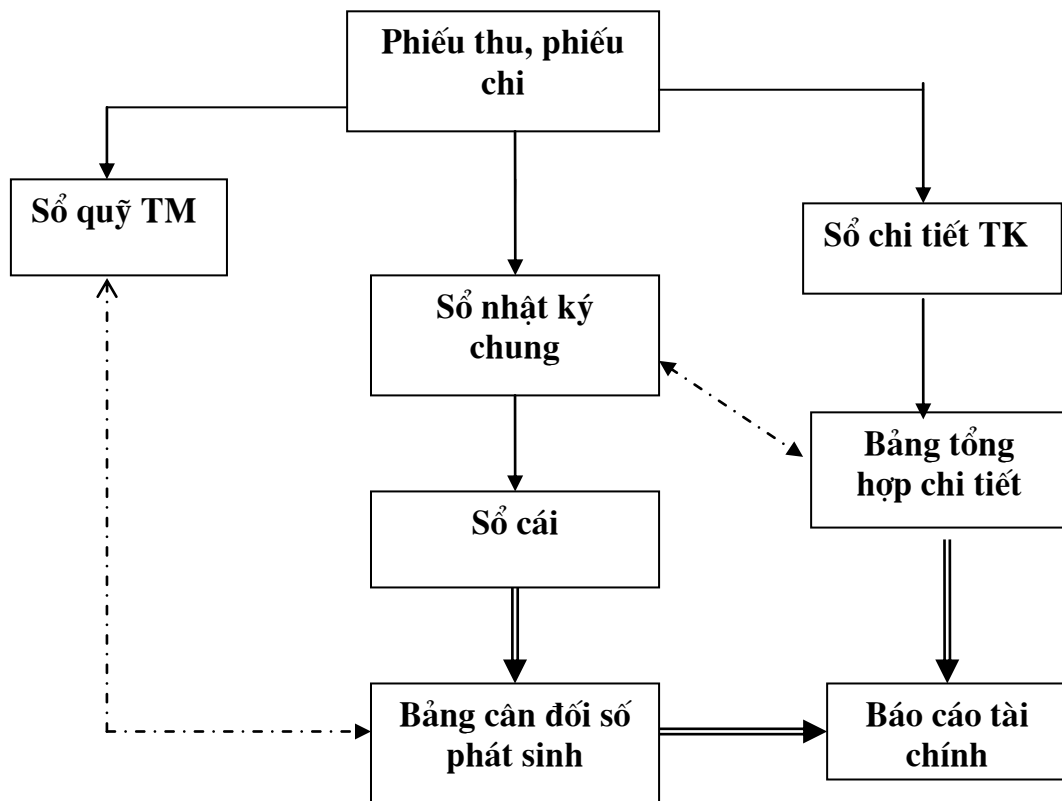
Chứng từ sử dụng :

- Phiếu thu
- Phiếu chi
- Ngoài ra còn các chứng từ liên quan khác như Hóa đơn GTGT hàng hóa mua vào hoặc bán ra,....

Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ quỹ Tiền mặt
- Sổ cái TK 111

Quy trình ghi sổ kế toán:



Ký hiệu:

————> : ghi hàng ngày

====> : ghi cuối tháng

- - - - -> : đối chiếu, kiểm tra

Từ sơ đồ trên ta thấy rằng, mỗi khi có nghiệp vụ thu chi tiền mặt xảy ra, kế toán tổng hợp sẽ căn cứ vào hoá đơn bán hàng hoặc mua hàng để lập phiếu thu, phiếu chi; sau đó phiếu thu hoặc phiếu chi sẽ đ- ợc chuyển cho thủ quỹ thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, đồng thời ghi sổ quỹ. Căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi kế toán tổng hợp sẽ vào sổ nhật ký chung, vào sổ chi tiết tài khoản tiền mặt, từ sổ nhật ký chung sẽ vào sổ cái tiền mặt; từ đó kế toán vào sổ tổng hợp chi tiết, bảng cân đối tài khoản và báo cáo kế toán cho năm đó

Sau đây em xin đ- ợc đi vào một số nghiệp vụ cụ thể thực tế phát sinh tại công ty :

2.2.2.2. Kế toán nghiệp vụ chi Tiền mặt

Ví dụ: Ngày 15/12/2010 chi tiền mua một lô hàng thép phế của công ty SNS Trading khối lượng 600 kg, đơn giá 125.500đ/kg theo hóa đơn GTGT số 0012236. Tổng số tiền thanh toán là 79.065.000 đồng thuế suất GTGT 5%.

Kế toán căn cứ vào Hóa đơn GTGT (Biểu số 2.1) dưới đây để lập Phiếu chi (Biểu số 2.2)

Từ 2 chứng từ đó kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.6) và sổ quỹ tiền mặt (Biểu số 2.5)

Sau đó kế toán vào sổ cái TK 111(Biểu số 2.7), rồi vào bảng cân đối số phát sinh.

Cuối năm, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ cái, sổ chi tiết, bảng cân đối số phát sinh để lập báo cáo tài chính.

- Trình tự hạch toán như sau:

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CPTM Ngọc Dung

Biểu số 2.1

HOÁ ĐƠN

Mẫu số: 01/GTKT – 3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

ML/2009B

Liên 2: Giao khách hàng

0012236

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Công ty SNS Trading

Địa chỉ: 249 Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mã số thuế: 0600107284

Điện thoại: 031.365419

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Thái

Đơn vị mua hàng: Công ty CPTM Ngọc Dung

Địa chỉ: Số 21 đường Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng.

Hình thức thanh toán: TM

Mã số thuế: 0200583207

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 * 2
1	Thép phế	kg	600	125.500	75.300.000

Cộng tiền hàng: 75.300.000

Thuế suất GTGT: 5% Tiền thuế GTGT: 3.765.000

Tổng cộng tiền thanh toán : 79.065.000

Số tiền viết bằng chữ: Bảy mươi chín triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn./.

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính Kế toán công ty CPTM Ngọc Dung năm 2010)

Biểu số 2.2

CÔNG TY CPTM NGỌC DUNG		Mẫu số 02-TT Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC		
PHIẾU CHI		số: PC62/12		
<i>Ngày 15 tháng 12 năm 2010</i>				
		TK ghi nợ: 156	75.300.000	
		TK ghi nợ : 133	3.765.000	
		TK ghi có: 111	79.065.000	
Họ tên ng- ời nhận tiền:	Nguyễn Văn Thái			
Địa chỉ:	Công ty CPTM Ngọc Dung			
Lý do chi:	Thanh toán tiền mua thép phế			
Số tiền:	79.065.000			
Bằng chữ:	Bảy m- ời chín triệu không trăm sáu m- ời lăm			
ngàn đồng chẵn./.				
Kèm theo:	01 chứng từ gốc			
		<i>Ngày 15 tháng 12 năm 2010</i>		
Thủ tr- ợng	Kế toán tr- ợng	Ng- ời lập phiếu	Thủ quỹ	Ng- ời nhận tiền
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
 <i>Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ):</i>				
<i>+ Tỉ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....</i>				
<i>+ Số tiền qui đổi :.....</i>				

Nguồn số liệu: Phòng Tài chính Kế toán công ty CPTM Ngọc Dung năm 2010)

2.2.2.3. Kế toán nghiệp vụ thu Tiền mặt

Ví dụ : Ngày 18/12/2010 ,Công ty TNHH TM Hùng C- ờng đã mua của công ty 6.782,4 kg thép tấm (4x1500x6000) với đơn giá là 7.809,6 đ/kg và 2.260,8kg thép tấm (8x1500x6000) với đơn giá là 8.238,2 đ/kg. Bên mua đã thanh toán bằng tiền mặt, thuế suất thuế giá trị gia tăng cho loại mặt hàng này là 5%.

Kế toán căn cứ vào Hóa đơn GTGT bán hàng (Biểu số 2.3) dưới đây để lập Phiếu thu (Biểu số 2.4)

Từ 2 chứng từ đó kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.6) và sổ quỹ tiền mặt (Biểu số 2.5)

Sau đó kế toán vào sổ cái TK 111(Biểu số 2.7), rồi vào bảng cân đối số phát sinh.

Cuối năm, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ cái, sổ chi tiết, bảng cân đối số phát sinh để lập báo cáo tài chính.

- Trình tự hạch toán như sau:

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CPTM Ngọc Dung

Biểu số 2.3

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01/GTKT - 3LL
DS/2009B
0078246

Liên 3: Nội bộ

Ngày 18 tháng 12 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Công ty CPTM Ngọc Dung

Địa chỉ: Số 21 đường Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mã số thuế: 0200583207

Điện thoại: 031.3826604

Họ tên người mua hàng: Phạm Văn Hùng

Đơn vị mua hàng: Công ty TNHH TM Hùng Cường

Địa chỉ: Số 115 Văn Cao - Hải Phòng

Hình thức thanh toán: TM

Mã số thuế: 0200575848

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 * 2
1	Thép tấm (4x1500x6000)	kg	6.782,4	7809,6	52.967.831
2	Thép tấm (8x1500x6000)	kg	2.260,8	8238,2	18.624.922

Cộng tiền hàng 71.592.753

Thuế suất GTGT: 5% Tiền thuế GTGT: 3.579.637

Tổng cộng tiền thanh toán : 75.172.390

Số tiền viết bằng chữ: *Bảy mươi lăm triệu một trăm bảy hai nghìn ba trăm chín mươi đồng./.*

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính Kế toán công ty CPTM Ngọc Dung năm 2010)

Biểu số 2.4

CTY CPTM NGỌC DUNG		Mẫu số 02-TT Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC		
PHIẾU THU		số: PT78/12		
<i>Ngày 18 tháng 12 năm 2010</i>				
		TK ghi nợ: 111	75.172.390	
		TK ghi có: 511	71.592.753	
		33311	3.579.637	
Họ tên ng- ời nộp tiền:	Phạm Văn Hùng			
Địa chỉ:	Công ty TNHH TM Hùng C- ờng			
Lý do nộp:	Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số 0078246			
Số tiền:	75.172.390 đồng			
Bằng chữ:	Bảy m- ươi lăm triệu một trăm bảy m- ươi hai nghìn ba			
trăm chín m- ươi đồng./.				
Kèm theo	01 chứng từ gốc			
		<i>Ngày 18 tháng 12 năm 2010</i>		
Thủ tr- ờng	Kế toán tr- ờng	Ng- ời lập phiếu	Thủ quỹ	Ng- ời nhận tiền
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
 <i>Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ):</i>				
<i>+ Tỉ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):</i>				
<i>+ Số tiền qui đổi :</i>				

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính Kế toán công ty CPTM Ngọc Dung năm 2010)

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CPTM Ngọc Dung

Biểu số 2.5

CÔNG TY CPTM NGỌC DUNG

SỔ QUỸ TIỀN MẶT
(Trích tháng 12 năm 2010)

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền		
	Thu	Chi			Thu	Chi	Tồn
			<u>Số dư đầu kỳ</u>				<u>310.703.524</u>
						
10/12		PC60	Thanh toán tiền điện nước	642		2.025.600	108.677.924
				133		202.560	108.475.364
10/12		PC61	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	642		1.150.000	107.325.364
				133		115.000	107.210.364
15/12		PC62	Thanh toán tiền mua hàng thép phế	156		75.300.000	31.910.364
				133		3.765.000	28.145.364
18/12	PT78		Thu tiền hàng theo HĐ 0078246	511	71.592.753		99.738.117
				333	3.579.637		103.317.754
21/12	PT79		Thu tiền bán phế liệu	511	56.230.000		159.547.754
				333	5.623.000		165.170.754
						
			Cộng phát sinh tháng 12		852.864.000	324.393.253	
			<u>Số dư cuối kỳ</u>				<u>839.174.271</u>

Ngày....tháng....năm....

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính Kế toán công ty CPTM Ngọc Dung năm 2010)

Biểu số 2.6

CÔNG TY CPTM NGỌC DUNG

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
(trích tháng 12 năm 2010)

Ngày chứng từ	Số hiệu chứng từ	Nội dung chứng từ	TK đối ứng		Đã ghi số cái	Số tiền Nợ	Số tiền Có
			Nợ	Có			
		Số trang tr- ớc chuyển sang			
...
15/12/2010	PC62/12	Chi tiền mua thép phế	156		x	75.300.000	
		Chi tiền mua thép phế	133		x	3.765.000	
		Chi tiền mua thép phế		1111	x		79.065.000
18/12/2010	PT78/12	Thu tiền hàng HĐ 0078246	1111		x	75.172.390	
		Thu tiền hàng HĐ 0078246		511	x		71.592.753
		Thu tiền hàng HĐ 0078246		333	x		3.579.637
.....
28/12/2010	PC75/12	Nộp tiền vào NHCT Hồng Bàng	1121		x	250.000.000	
28/12/2010	PC75/12	Nộp tiền vào NHCT Hồng Bàng		1111	x		250.000.000
		Số phát sinh				675.795.380	675.795.380

Ngày....tháng....năm....

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính Kế toán công ty CPTM Ngọc Dung năm 2010)

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CPTM Ngọc Dung

Biểu số 2.7

CÔNG TY CPTM NGỌC DUNG

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 111

(Trích tháng 12 năm 2010)

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		<u>310.703.524</u>	
	
10/12/2010	PC60	Thanh toán tiền điện nước	642		2.025.600
			133		202.560
10/12/2010	PC61	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	642		1.150.000
			133		115.000
15/12/2010	PC62	Thanh toán tiền mua thép phế	156		75.300.000
			133		3.765.000
18/12/2010	PT78	Thu tiền mua hàng	511	71.592.753	
			333	3.579.637	
21/12/2010	PT79	Thu tiền bán phế liệu	511	56.230.000	
			333	5.623.000	
	
		Cộng phát sinh tháng 12		852.864.000	324.393.253
		Số dư cuối kỳ		<u>839.174.271</u>	

Ngày....tháng....năm....

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính Kế toán công ty CPTM Ngọc Dung năm 2010)

2.2.3. Kế toán Tiền gửi ngân hàng

- Tại công ty các nghiệp vụ liên quan đến Tiền gửi ngân hàng như thanh toán tiền bằng chuyển khoản, thu nợ hoặc trả nợ người bán bằng tiền gửi ngân hàng, rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt,.....

- Công ty mở tài khoản tại Ngân hàng Công Thương – chi nhánh quận Dương Kinh

2.2.3.1. Tài khoản, chứng từ, sổ sách sử dụng.

Tài khoản sử dụng :

- TK 112 - Tiền gửi ngân hàng

Chứng từ sử dụng :

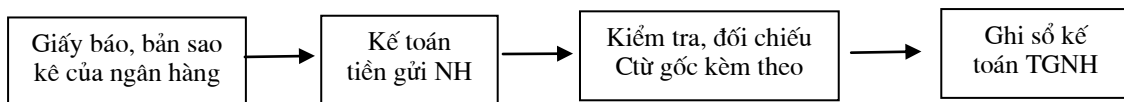
- Giấy báo nợ
- Giấy báo có
- Ngoài ra còn các chứng từ khác liên quan như Hóa đơn GTGT, Ủy nhiệm chi, Ủy nhiệm thu,....

Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ tiền gửi ngân hàng
- Sổ cái TK 112

Quy trình ghi sổ kế toán:

Có thể thông qua sơ đồ sau để thấy rõ hơn về hoạt động hạch toán tiền gửi ngân hàng tại công ty:



Từ đó, khi nhận đ- ợc các chứng từ của ngân hàng gửi đến, kế toán sẽ kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc đi kèm, nếu các số liệu trùng khớp, không có sự chênh lệch giữa sổ kế toán tiền gửi NH và chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của NH thì kế toán sẽ vào sổ kế toán tiền gửi ngân hàng.

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CPTM Ngọc Dung

Khi tiến hành thanh toán hay thu tiền tiền từ khách hàng hoặc chuyển khoản tới các ngân hàng khác, công ty sẽ ủy nhiệm công việc l-u chuyển tiền gửi này cho ngân hàng, khi đó công ty sẽ có giấy ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi cho ngân hàng để tiến hành các nghiệp vụ thanh toán tiền gửi.

Sau đây em xin đ- ọc đi vào một số nghiệp vụ cụ thể thực tế phát sinh tại công ty :

2.2.3.2. Kế toán nghiệp vụ làm tăng TGNH

Ví dụ : Ngày 25/12/2010 Công ty thương mại và xuất nhập khẩu Bình Minh thanh toán tiền mua thép cuộn theo hóa đơn số 0078248 bằng chuyển khoản số tiền 215.910.450 đồng.

- Trình tự hạch toán như sau:

- + Căn cứ vào Hóa đơn GTGT (Liên 1) (Biểu số 2.8)
- + Công ty gửi UNT tới ngân hàng (Biểu số 2.9)
- + NH sau khi thu được tiền sẽ gửi Giấy báo có về công ty (Biểu số 2.10)
- + Từ giấy báo có kế toán lập Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.14)
- + Sau đó ghi vào sổ Tiền gửi ngân hàng (Biểu số 2.15)
- + Từ Nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 112 (Biểu số 2.16)
- + Từ Sổ cái kế toán vào Bảng cân đối số phát sinh. Cuối năm tổng hợp số liệu từ sổ cái, sổ chi tiết, bảng cân đối phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.8

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01/GTKT - 3LL

DS/2009B

0078248

Liên 1: L-u

Ngày 25 tháng 12 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Công ty CPTM Ngọc Dung

Địa chỉ: Số 21 đ-ờng Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mã số thuế: 0200583207

Điện thoại: 031.3826604

Họ tên ng-ời mua hàng:

Đơn vị mua hàng: Công ty th-ơng mại và xuất nhập khẩu Bình Minh

Địa chỉ: Số 345 Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Hình thức thanh toán: CK

Mã số thuế:

0200575848

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số l-ợng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 * 2
1	Thép cuộn	Tấn	1500	137.086	205.629.000

Cộng tiền hàng: 205.629.000

Thuế suất GTGT: 5% Tiền thuế GTGT: 10.281.450

Tổng cộng tiền thanh toán : 215.910.450

Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm m-ười lăm triệu chín trăm m-ười nghìn bốn trăm năm m-ươi đồng./.

Ng-ời mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ng-ời bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ tr-ởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CPTM Ngọc Dung

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính Kế toán công ty CPTM Ngọc Dung năm 2010)

Biểu số 2.9

ỦY NHIỆM THU Số 24 Chuyển khoản, chuyển tiền điện tử Lập ngày 25/12/2010		Phần do ngân hàng ghi
Tên đơn vị nhận tiền: Công ty CPTM Ngọc Dung Số TK: 00265200826 Tại ngân hàng: Công th- ong quận Hồng Bàng, Hải Phòng		Tài khoản Nợ:
Tên đơn vị trả tiền: Công ty TM& XNK Bình Minh Số TK: 932010000061 Tại ngân hàng : Công th- ong quận Hồng Bàng, Hải Phòng		Tài khoản Có:
Số tiền bằng chữ: <i>Hai trăm m□ời lăm triệu chín trăm m□ời nghìn bốn trăm năm m□ời đồng</i> Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền mua thép cuộn		Số tiền bằng số: 215.910.450
Đơn vị trả tiền	Ngân hàng..... Ghi sổ ngày:...../...../..... Kế toán Chủ TK	Ngân hàng Ghi sổ ngày:...../...../..... Kế toán KT tr- ởng

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính Kế toán công ty CPTM Ngọc Dung năm 2010)

Biểu số 2.10

Ngân hàng Công th- ong - Chi nhánh Hồng Bàng

Mã GDV:

Mã KH: CB123

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 25 tháng 12 năm 2010

Kính gửi: Công ty CPTM Ngọc Dung

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CỐ tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Nợ : 00265200826

Số tiền bằng số: 215.910.450

Số tiền bằng chữ: Hai trăm m- ời lăm triệu chín trăm m- ời nghìn bốn trăm năm m- ời đồng.

Nội dung : Công ty th- ong mại và xuất nhập khẩu Bình Minh trả tiền hàng

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính Kế toán công ty CPTM Ngọc Dung năm 2010)

2.2.3.3. Kế toán nghiệp vụ làm giảm TGNH

Ví dụ : Ngày 29/12/2010 công ty thanh toán tiền mua dây chuyền sản xuất lưới thép của công ty sản xuất và kinh doanh thép Việt Hàn theo hóa đơn số 0084752 bằng chuyển khoản, tổng số tiền thanh toán là 348.700.000 đồng.

- Trình tự hạch toán như sau:

- + , Căn cứ vào Hóa đơn GTGT (Liên 2) (Biểu số 2.11)
- + , Công ty gửi UNC tới ngân hàng (Biểu số 2.12)
- + , NH sau khi thanh toán tiền sẽ gửi Giấy báo nợ về công ty (Biểu số 2.13)
- + , Từ giấy báo nợ kế toán lập Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.14)
- + , Sau đó ghi vào sổ Tiền gửi ngân hàng (Biểu số 2.15)
- + , Từ Nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 112 (Biểu số 2.16)
- + , Từ Sổ cái kế toán vào Bảng cân đối số phát sinh. Cuối năm tổng hợp số liệu từ sổ cái, sổ chi tiết, bảng cân đối phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.11

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: Giao khách hàng
Ngày 29 tháng 12 năm 2010

Mẫu số: 01 GTKT - 3LL
ML/2009B
0084752

Đơn vị bán hàng: Công ty sản xuất và kinh doanh thép Việt Hàn

Địa chỉ: 249 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng

Mã số thuế: 0300107284

Điện thoại: 031.365419

Họ tên ng-ời mua hàng: Nguyễn Văn Thái

Đơn vị mua hàng: Công ty CPTM Ngọc Dung

Địa chỉ: Số 21 đ-ờng Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Hình thức thanh toán: CK Mã số thuế: 0200583207

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số l-ợng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 * 2
1	Dây chuyền sản xuất l-ới thép	Chiếc	1		317.000.000

Cộng tiền hàng: 317.000.000

Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 31.700.000

Tổng cộng tiền thanh toán : 348.700.000

Số tiền viết bằng chữ: *Ba trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn./.*

Ng-ời mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ng-ời bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ tr-ởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CPTM Ngọc Dung

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính Kế toán công ty CPTM Ngọc Dung năm 2010)

Biểu số 2. 12

ỦY NHIỆM CHI Số 24 Chuyển khoản, chuyển tiền điện tử Lập ngày 29/12/2010		Phân do ngân hàng ghi
Tên đơn vị nhận tiền: Công ty thép Việt Hàn Số TK: 00265200826 Tại ngân hàng: Công th- ong Hải Phòng		Tài khoản Nợ:
Tên đơn vị trả tiền: Công ty CPTM Ngọc Dung Số TK: 00265200826 Tại ngân hàng: Công th- ong Hải Phòng		Tài khoản Có:
Số tiền bằng chữ: Ba trăm bốn m- ới tám triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn Nội dung thanh toán: Trả tiền mua dây chuyền sản xuất l- ới thép		Số tiền bằng số: 348.700.000
Đơn vị trả tiền	Ngân hàng..... Ghi sổ ngày:...../...../.....	Ngân hàng Ghi sổ ngày:...../...../.....
Kế toán Chủ TK	Kế toán KT tr- ờng	Kế toán KT tr- ờng

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính Kế toán công ty CPTM Ngọc Dung năm 2010)

Biểu số 2.13

Ngân hàng Công th- ơng - Chi nhánh Hồng Bàng

Mã GDV:

Mã KH: CB123

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 29 tháng 12 năm 2010

Kính gửi: Công ty CPTM Ngọc Dung

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Có : 00265200826

Số tiền bằng số: 348.700.000

Số tiền bằng chữ: Ba trăm bốn m- ới tám triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn

Nội dung : Thanh toán tiền hàng

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CPTM Ngọc Dung

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính Kế toán công ty CPTM Ngọc Dung năm 2010)

Biểu số 2.14

CÔNG TY CPTM NGỌC DUNG

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
(trích tháng 12 năm 2010)

Ngày chứng từ	Số hiệu chứng từ	Nội dung chứng từ	TK đối ứng		Đã ghi sổ cái	Số tiền Nợ	Số tiền Có
			Nợ	Có			
		Số trang tr- ớc chuyển sang			
....
25/12/2010	GBC	Thu tiền bán hàng HĐ 0078248		511	x		205.629.000
	GBC	Thu tiền bán hàng HĐ 0078248		3331	x		10.281.450
	GBC	Thu tiền bán hàng HĐ 0078248	112		x	215.910.450	
.....
28/12/2010	PC75/12	Nộp tiền vào NHCT Hồng Bàng	112		x	250.000.000	
	PC75/12	Nộp tiền vào NHCT Hồng Bàng		1111	x		250.000.000
29/12/2010	GBN	Thanh toán tiền mua dây chuyền sản xuất thép	211		x	317.000.000	
	GBN	Thanh toán tiền mua dây chuyền sản xuất thép	133		x	31.700.000	
	GBN	Thanh toán tiền mua dây chuyền sản xuất thép		112	x		348.700.000
		Số phát sinh				675.795.380	675.795.380

Ngày....tháng....năm....

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CPTM Ngọc Dung

Biểu số 2.15

CÔNG TY CPTM NGỌC DUNG

Mẫu số S08 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng Công Thương

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: TK 112

(Trích tháng 12 năm 2010)

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền		
	SH	NT			Thu	Chi	Tồn
			<u>Số dư đầu kỳ</u>				<u>856.329.017</u>
25/12	GBC		Công ty TM&XNK Bình Minh trả tiền hàng	511	205.629.000		1.061.958.017
				333	10.281.450		1.072.239.467
28/12	GBC		Công ty TNHH Châu Giang trả tiền hàng	511	565.230.000		1.637.469.467
				333	56.523.000		1.693.992.467
29/12	GBN		Thanh toán tiền mua dây chuyền sản xuất lưới thép	211		317.000.000	1.376.992.467
				133		31.700.000	1.345.292.467
30/12	GBN		Phí thanh toán	6427		1.842.534	1.343.449.933
				133		184.253	1.343.265.680
.....
			Cộng phát sinh tháng 12		1.490.426.101	369.869.241	
			<u>Số dư cuối kỳ</u>				<u>1.976.585.877</u>

Ngày....tháng....năm....

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CPTM Ngọc Dung

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính Kế toán công ty CPTM Ngọc Dung năm 2010)

Biểu số 2.16

CÔNG TY CPTM NGỌC DUNG

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 112

(Trích tháng 12 năm 2010)

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		<u>856.329.017</u>	
	
25/12	GBC	Công ty TM&XNK Bình Minh trả tiền hàng	511	205.629.000	
			333	10.281.450	
28/12	GBC	Công ty TNHH Châu Giang trả tiền hàng	511	565.230.000	
			333	56.523.000	
29/12	GBN	Thanh toán tiền mua dây chuyền sản xuất lưới thép	211		317.000.000
			133		31.700.000
30/12	GBN	Phí thanh toán	6427		1.842.534
			133		184.253
	
		Cộng phát sinh tháng 12		1.490.426.101	369.869.241
		Số dư cuối kỳ		<u>1.976.585.877</u>	

Ngày....tháng....năm....

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính Kế toán công ty CPTM Ngọc Dung năm 2010)

Như vậy với việc tổ chức công tác Vốn bằng tiền như trên nhìn chung đã đáp ứng được yêu cầu của công ty đề ra là : Đảm bảo tính thống nhất về mặt phạm vi , phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế, đảm bảo số liệu kế toán phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng và dễ hiểu. Quan trọng là trong quá trình hạch toán đã hạn chế được những trùng lặp trong ghi chép mà vẫn đảm bảo tính thống nhất của nguồn số liệu ban đầu.

CHƯƠNG III

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CPTM NGỌC DUNG

3.1. Những nhận xét đánh giá chung về công tác kế toán tại Công ty CPTM Ngọc Dung.

3.1.1. Ưu điểm

Sau thời gian thực tập tại Công ty CPTM Ngọc Dung cùng với những hiểu biết, nhận thức của bản thân, em nhận thấy công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty đã có nhiều cố gắng nhằm đáp ứng yêu cầu công tác quản lý sản xuất kinh doanh trong điều kiện hiện nay. Điều này đ- ợc thể hiện qua các khía cạnh sau:

❖ **Bộ máy kế toán:** Công ty đã áp dụng mô hình kế toán tập trung tạo điều kiện cho việc kiểm tra chỉ đạo và đảm bảo sự lãnh đạo công ty đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh. Đặc biệt Công ty có đội ngũ cán bộ kế toán có năng lực, trình độ, kinh nghiệm, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, tiếp cận kịp thời và vận dụng một cách linh hoạt sáng tạo chế độ kế toán hiện hành, tác phong làm việc khoa học, có tinh thần t- ơng trợ giúp đỡ lẫn nhau. Chính vì vậy, công việc đều hoàn thành có hiệu quả, đáp ứng đ- ợc yêu cầu của công ty cũng nh- theo kịp sự phát triển và nâng cấp hệ thống kế toán theo xu h- ớng của nền kinh tế thị tr- ờng.

❖ **Hình thức kế toán:** Với hệ thống kế toán ban hành Công ty vận dụng vào thực tế một cách linh hoạt, hình thức kế toán Nhật ký chung đ- ợc áp dụng trong công tác kế toán hợp lý và phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Hình thức kế toán này hạn chế đ- ợc l- ợng lớn sổ sách công kênh, giảm bớt khối l- ợng ghi chép, cung cấp thông tin kịp thời, thuận tiện cho việc phân công công tác.

❖ **Chứng từ kế toán và tổ chức luân chuyển chứng từ:** Các thủ tục chứng từ liên quan đến việc hạch toán Vốn bằng tiền đ- ợc thực hiện đầy đủ. Từ những công việc hạch toán ban đầu đến việc kiểm tra tính hợp lý của các chứng từ đ- ợc tiến hành một cách khá cẩn thận, đảm bảo số liệu phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng và dễ hiểu. Các quy định luân chuyển chứng từ cũng đ- ợc kế toán theo dõi và tiến hành một cách chặt chẽ. Chứng từ đ- ợc l- u trữ và đóng quyển theo thứ tự để thuận lợi cho việc kiểm tra, thanh tra đồng thời cũng giúp cho lãnh đạo nắm bắt tình hình nhanh chóng.

❖ **Về sổ sách kế toán:** Kế toán tổng hợp đã mở đầy đủ các sổ sách cần thiết để theo dõi tình hình thu chi của Tiền mặt (111), Tiền gửi Ngân hàng (112) nh- : Sổ quỹ Tiền mặt, Sổ Tiền gửi Ngân hàng, Sổ cái các TK 111, 112. Các số liệu trên sổ sách có tính đối chiếu cao, đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu về vốn cho sản xuất kinh doanh.

❖ **Trong công tác hạch toán kế toán:** Kế toán hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán và các nghiệp vụ này đ- ợc ghi theo trình tự thời gian nên rất thuận tiện cho việc theo dõi.

- **Hạch toán Tiền mặt:** Việc lập sổ quỹ Tiền mặt đ- ợc căn cứ trực tiếp vào các Phiếu thu, Phiếu chi hàng ngày giúp cho việc quản lý Tiền mặt đ- ợc hiệu quả. Kế toán Tiền mặt có thể đối chiếu số liệu với sổ quỹ tiền mặt đ- ợc nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, chính xác và phát hiện đ- ợc những chênh lệch, tìm ra đ- ợc nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý kịp thời.

- **Hạch toán Tiền gửi Ngân hàng:** Việc lập sổ Tiền gửi Ngân hàng căn cứ vào Giấy báo nợ và Giấy báo có cũng giúp cho kế toán theo dõi, so sánh số liệu với sổ Tiền gửi Ngân hàng để quản lý l- ợng tiền gửi đ- ợc tốt hơn, phát hiện đ- ợc các chênh lệch nếu có.

❖ **Cập nhật thông tin:** Kế toán th- ờng xuyên nắm vững và vận dụng những thông t-, quyết định mới của Bộ tài chính và công tác hạch toán Vốn bằng tiền. Tr- ớc những thay đổi một số quy định về ph- ơng pháp hạch toán kế toán tại một số phân hành công ty đã kịp thời cập nhật để thay đổi sao cho phù hợp với chuẩn mực kế toán mới.

❖ **Đào tạo nhân lực:** Công ty còn luôn quan tâm đến việc nâng cao trình độ của cán bộ công nhân viên trong toàn công ty nói chung và trong phòng kế toán nói riêng bằng cách gửi nhân viên đi học các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, mở rộng tầm hiểu biết, đáp ứng kịp thời những thay đổi của chế độ kế toán hiện hành. Bên cạnh đó, công ty còn tổ chức các phong trào thi đua và các chính sách khen thưởng phù hợp với các cá nhân có thành tích tốt trong quá trình làm việc. Vì vậy đã kích thích sự hăng say, sáng tạo, hoàn thành công việc đạt hiệu quả cao của nhân viên.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm trên, song do những nhân tố khách quan và chủ quan nhất định tác động bên trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán Vốn bằng tiền nói riêng ở Công ty vẫn còn một số hạn chế nhất định cần phải được nghiên cứu để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện, cụ thể:

❖ **Về sổ sách kế toán**

- Công ty chưa sử dụng đúng mẫu sổ sách liên quan đến công tác hạch toán Vốn bằng tiền đó là mẫu Sổ cái theo hình thức Nhật ký chung được ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC.

- Không sử dụng Nhật ký thu tiền và Nhật ký chi tiền: Do đó không liệt kê được các khoản tiền đã thu chi để làm căn cứ quyết toán các khoản tiền đã thu, chi. Điều này gây khó khăn cho việc quản lý và kiểm tra đối chiếu số liệu với sổ cái.

❖ **Công ty không hạch toán Tiền đang chuyển:** Địa bàn hoạt động của Công ty trải rộng trên toàn quốc nên việc thanh toán gặp nhiều khó khăn do điều kiện địa lý. Đôi khi thủ tục thanh toán đã được thực hiện nhưng chưa nhận được giấy báo có hay bản sao kê của Ngân hàng nhưng hiện nay công ty lại không sử dụng TK 113 - Tiền đang chuyển để theo dõi.

❖ **Về hình thức thanh toán:** Việc thanh toán thông qua hệ thống ngân hàng không được sử dụng một cách triệt để, có quá nhiều khoản tiền lớn được thực hiện tại quỹ, điều này ảnh hưởng đến vấn đề an toàn tiền quỹ của công ty.

Mặt khác, lượng tiền mặt tồn quỹ quá nhiều không đảm bảo khả năng sinh lời của tiền.

❖ **Quản lý quỹ Tiền mặt ch- a tốt:** Kế toán không tiến hành kiểm kê định kỳ. Do đó không xác định đ- ợc số chênh lệch (nếu có) giữa Tiền VN tồn quỹ thực tế với sổ quỹ để từ đó tăng c- ờng quản lý quỹ và làm cơ sở ghi sổ kế toán chênh lệch.

❖ **Công ty không thực hiện lập Báo cáo l- u chuyển tiền tệ:** đây là một trong bốn bản Báo cáo tài chính quan trọng của mỗi doanh nghiệp.

❖ **Vi phạm nguyên tắc Bất kiêm nhiệm:** Đối với một số khoản chi thì Thủ quỹ vẫn là ng- ời trực tiếp đứng ra mua hàng, điều này không đảm bảo tính trung thực và khách quan cho những khoản tiền do Thủ quỹ chi.

❖ **Áp dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán:** Mặc dù công tác kế toán hiện nay tại công ty đã có sự hỗ trợ của phần mềm tin học song đối với công tác kế toán thì đây ch- a phải là phần mềm mang lại hiệu quả tối - u nhất.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty CPTM Ngọc Dung

3.2.1. Hoàn thiện về sổ sách:

❖ **Hoàn thiện mẫu Sổ cái:** Để công tác kế toán Vốn bằng tiền tuân thủ đúng theo chuẩn mực kế toán mới thì Công ty nên sử dụng đúng mẫu Sổ cái đ- ợc ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ tr- ởng BTC với mẫu sau:

Biểu số 3.1:

Đơn vị:.....

Mẫu số: S03b - DN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm:.....

Tên tài khoản:.....

Số hiệu:.....

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu năm					
			Số phát sinh trong tháng					
			Cộng số phát sinh tháng					
			Số dư cuối tháng					
			Cộng lũy kế từ đầu quý					

Sổ này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

Ngày mở sổ :.....

Ngàytháng....năm.....

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

❖ ***Bổ sung Nhật ký thu, chi tiền.***

Kế toán Vốn bằng tiền nên mở Nhật ký thu, chi tiền vì hàng ngày các nghiệp vụ liên quan đến việc chi tiền mặt phát sinh nhiều. Do đó việc sử dụng Nhật ký thu, chi tiền giúp kế toán có thể liệt kê được các khoản đã thu chi làm căn cứ quyết toán cho các khoản tiền đã thu chi và ghi sổ kế toán. Mặt khác làm cơ sở đối chiếu với sổ quỹ tiền mặt, tránh nhầm lẫn trong việc kê khai các khoản chi phí phát sinh có liên quan đến tiền mặt, Nhật ký thu chi tiền có mẫu sổ như sau:

Biểu số 3.2

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số: S03a1 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN

Năm:.....

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK	Ghi Có các TK				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tài khoản khác	
								Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	5	E
			Số trang trước chuyển sang						
			Cộng chuyển sang trang sau						

Sổ này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

Ngày mở sổ :.....

Ngày.....tháng...năm.....

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Bểu số 3.3

Đơn vị:.....

Mẫu số: S03a2 - DN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN

Năm:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK..	Ghi Nợ các TK				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tài khoản khác	
					Số tiền	Số hiệu			
A	B	C	D	1	2	3	4	5	E
			Số trang trước chuyển sang						
			Cộng chuyển sang trang sau						

Sổ này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

Ngày mở sổ :.....

Ngàytháng...năm.....

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

3.2.2. Công ty nên hạch toán Tiền đang chuyển:

Để công tác kế toán phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về Vốn bằng tiền kế toán Tiền mặt nên mở TK 113 - Tiền đang chuyển để theo dõi cho những khoản tiền đang chuyển trong những trường hợp sau: Thủ tục thanh toán, thủ tục chuyển tiền đã được thực hiện nhưng chưa nhận được giấy báo có, báo nợ hay bản sao kê của Ngân hàng...

3.2.3. Về hình thức thanh toán:

Việc thanh toán thông qua hệ thống ngân hàng nên sử dụng một cách triệt để, đối với những khoản tiền lớn nên thực hiện thanh toán qua Ngân hàng, để đảm bảo vấn đề an toàn tiền quỹ của công ty cũng như khả năng sinh lời của tiền.

3.2.4. Hoàn thiện công tác quản lý quỹ Tiền mặt.

Kế toán nên tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm có thể là đột xuất khi có nhu cầu hoặc khi bàn giao quỹ để xác định được số chênh lệch (nếu có) giữa Tiền VN tồn quỹ thực tế với sổ quỹ để từ đó tăng cường quản lý quỹ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch.

Khi tiến hành kiểm kê quỹ, phải lập ban kiểm kê, trong đó thủ quỹ và kế toán tiền mặt hoặc kế toán thanh toán là các thành viên. Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu, phiếu chi và tính số tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê.

Mọi khoản chênh lệch đều phải báo cáo Giám đốc xem xét.

Khi tiến hành kiểm kê Quỹ Ban kiểm kê quỹ phải lập bảng kiểm kê quỹ thành hai bản:

- Một bản 1- u ở thủ quỹ

- Một bản 1- u ở kế toán quỹ tiền mặt hoặc kế toán thanh toán Bảng kiểm kê quỹ được lập theo mẫu sau:

Biểu số 3.4

Đơn vị:.....

Mẫu số: S08a - DN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ tr-ởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ
(DÙNG cho VNĐ)

Hôm nay, vào...giờ...ngày...tháng...năm.....

Chúng tôi gồm:

- Ông (Bà):.....Đại diện kế toán
- Ông (Bà):.....Đại diện thủ quỹ
- Ông (Bà):.....Đại diện

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ	x
II	Số kiểm kê thực tế	x
1	Trong đó: - Loại		
2	- Loại		
3	- Loại		
4	- Loại		
5		
III	Chênh lệch(III=I-II)	x	

- Lý do : + Thừa:.....
- + Thiếu:.....

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:.....

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

3.2.5. Tuân thủ đúng nguyên tắc Bất kiêm nhiệm

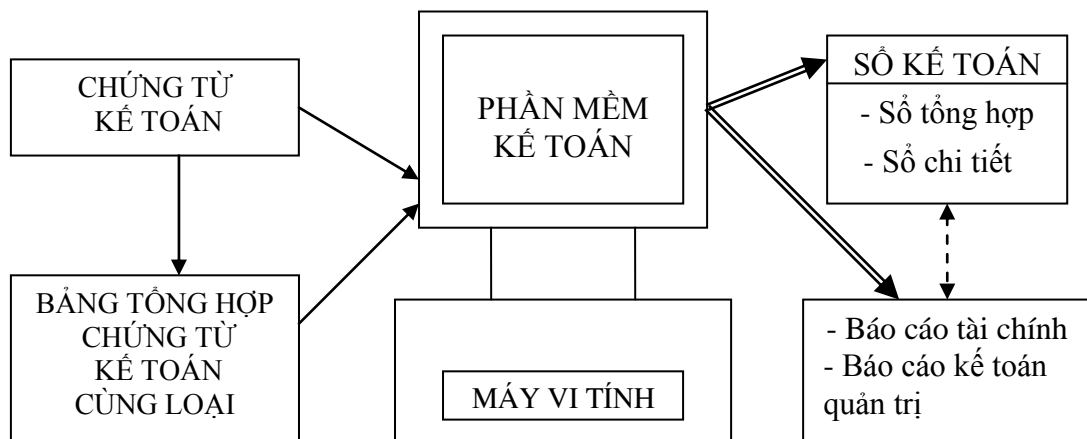
Để đảm bảo tính trung thực, khách quan và tránh gian lận trong khâu thu mua thì không nên để thủ quỹ đứng ra mua hàng. Công ty nên cử những nhân viên chuyên mua hàng mà những nhân viên này phải hoạt động độc lập với phòng Tài vụ.

3.2.6. Công tác kế toán nên sử dụng phần mềm kế toán máy:

Mặc dù công tác kế toán hiện nay tại Công ty đã có sự hỗ trợ của phần mềm tin học song đối với công tác kế toán thì đây ch- a phải là phần mềm mang lại hiệu quả tối - u nhất vì vậy Công ty nên mua phần mềm kế toán máy để phục vụ cho công tác kế toán.

Cụ thể công ty nên đặt mua phần mềm kế toán riêng áp dụng cho hình thức kế toán Nhật ký chung. Hiện nay, trên thị tr- ờng có một số phần mềm kế toán máy như phần mềm MISA, ADMIN, ACSOFT,...Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó. Khi áp dụng phần mềm kế toán, hàng ngày kế toán viên chỉ cần nhập số liệu vào máy tính, phần mềm sẽ tự động cập nhật vào các sổ sách. Cuối tháng, cuối quý cũng sẽ tự động lập các Bảng tổng hợp và các Báo cáo cần thiết.

Trình tự kế toán áp dụng khi sử dụng Phần mềm kế toán (theo hình thức Nhật ký chung) đ- ợc thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 3.5: Hình thức kế toán trên máy vi tính

Ghi chú:

- > Nhập số liệu hàng ngày
- =====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ⋯<-----> Đối chiếu, kiểm tra

3.2.7. Hoàn thiện việc lập báo cáo l-u chuyển tiền tệ

Báo cáo l-u chuyển tiền tệ có ý nghĩa quan trọng trong công tác quản lý tài chính của mỗi doanh nghiệp. Đó là công cụ hữu hiệu để quản lý và theo dõi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Báo cáo l-u chuyển tiền tệ phải đ-ợc lập theo kỳ kế toán năm d-ơng lịch hoặc kỳ kế toán năm là 12 tháng tròn sau khi thông báo cho cơ quan thuế.

Báo cáo l-u chuyển tiền tệ có mẫu nh- sau:

Biểu số 3.6

Đơn vị:.....

Mẫu số: B03 - DN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm.....

Đơn vị tính.....

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
I- Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1			
1. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2			
3. Tiền chi trả cho người lao động	3			
4. Tiền chi trả lãi vay	4			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6			
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20			
II- Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của các đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30			

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CPTM Ngọc Dung

III-Lưu chuyển từ hoạt động tài chính				
1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn chủ sở hữu	31			
2.Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32			
3.Tiền vay ngắn hạn, dài hạn được nhận	33			
4.Tiền vay chi trả nợ gốc vay	34			
5.Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6.Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ(70=50+60+61)	70			

Ngày.....tháng.....năm.....

Ng- ời lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán tr- ởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

KẾT LUẬN

Vốn bằng tiền là một trong những phần hành kế toán quan trọng trong hệ thống hạch toán kế toán tại các doanh nghiệp. Kế toán vốn bằng tiền theo dõi chi tiết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền tệ, quan tâm đến dòng tiền; nhằm cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác về nguồn vốn của doanh nghiệp. Từ đó có biện pháp thích hợp, kịp thời nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền tại doanh nghiệp.

Qua thời gian được Nhà trường giao nhiệm vụ được thực tập tại công ty CPTM Ngọc Dung đã giúp em tìm hiểu sâu hơn về công tác kế toán của công ty nói chung và tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Để hoàn thành bài khóa luận này em đã nhận được sự giúp đỡ, hỗ trợ, tạo mọi điều kiện của Ban giám đốc, của cán bộ, nhân viên các phòng ban đặc biệt là ban tài chính. Cùng sự giúp đỡ nhiệt tình, tận tâm của cô giáo hướng dẫn và các thầy cô giáo trong trường.

Tuy nhiên, với trình độ và năng lực có hạn, thời gian nghiên cứu để tìm hiểu đề tài hơi ngắn nên bài viết không thể tránh khỏi thiếu sót, khiếm khuyết. Em mong nhận được những ý kiến góp ý, chỉ bảo của Ban giám đốc, của ban Tài chính xí nghiệp và của các thầy cô giáo để em bổ sung, sửa đổi để cho bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2011

Sinh viên

Phạm Thị Mai Anh

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ - PGS.TS Nguyễn Văn Công.
2. Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp theo chế độ kế toán mới hiện hành – TS. Võ Văn Nhị
3. Hướng dẫn hạch toán kế toán báo cáo tài chính doanh nghiệp – TS. Võ Văn Nhị
4. Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1) - Hệ thống tài khoản kế toán – NXB Tài chính
5. Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 2) – Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán – NXB Tài chính
6. Tài liệu, sổ sách kế toán do Công ty CPTM Ngọc Dung cung cấp

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP.....	2
1.1. Sự cần thiết của kế toán vốn bằng tiền.....	3
1.1.1. <i>Khái niệm vốn bằng tiền</i>	3
1.1.2. <i>Đặc điểm vốn bằng tiền</i>	3
1.1.3. <i>Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền</i>	4
1.1.4. <i>Vai trò của kế toán vốn bằng tiền.....</i>	4
1.1.5. <i>Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền</i>	4
1.1.6. <i>Nguyên tắc kế toán vốn bằng tiền</i>	5
1.2. Kế toán tiền mặt tại quỹ	6
1.2.1. <i>Nguyên tắc kế toán tiền mặt</i>	7
1.2.2. <i>Chứng từ hạch toán tiền mặt</i>	8
1.2.3. <i>Tài khoản sử dụng</i>	8
1.2.4. <i>Phương pháp hạch toán kế toán một số hoạt động kinh tế chủ yếu</i>	9
1.2.4.1. <i>Kế toán tiền mặt bằng tiền Việt Nam</i>	9
1.2.4.2. <i>Kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ</i>	11
1.2.4.3. <i>Kế toán tiền mặt là vàng, bạc, kim khí quý, đá quý</i>	14
1.3. Kế toán tiền gửi Ngân hàng.....	14
1.3.1. <i>Nguyên tắc kế toán tiền gửi Ngân hàng</i>	14
1.3.2. <i>Chứng từ hạch toán tiền gửi Ngân hàng.....</i>	16
1.3.3. <i>Tài khoản sử dụng</i>	16
1.3.4. <i>Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu</i>	17
1.3.4.1. <i>Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam.....</i>	17
1.3.4.2. <i>Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ.....</i>	19
1.4. Kế toán tiền đang chuyển	20
1.4.1. <i>Nguyên tắc kế toán tiền đang chuyển</i>	20
1.4.2. <i>Chứng từ hạch toán tiền đang chuyển.....</i>	20

1.4.3. Tài khoản sử dụng	20
1.4.4. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu.....	20
1.5. Các hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền.....	21
1.5.1. Hình thức Nhật ký chung.....	22
1.5.2. Hình thức Nhật ký - sổ cái.....	23
1.5.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ.....	24
1.5.4. Hình thức Nhật ký chứng từ	25
1.5.5. Hình thức Kế toán máy.....	26
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CPTM NGỌC DUNG	27
2.1. Khái quát về Công ty CPTM Ngọc Dung	27
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.....	27
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.....	27
2.1.2.1. Chức năng , nhiệm vụ của công ty	27
2.1.2.2. Ngành nghề kinh doanh	28
2.1.3. Thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động.....	29
2.1.3.1. Thuận lợi	29
2.1.3.2. Khó khăn	29
2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	29
2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty.....	31
2.1.5.1. Cơ cấu bộ máy kế toán	31
2.1.5.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty...33	
2.2. Thực trạng tổ chức công tác Kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty CPTM Ngọc Dung.....	35
2.2.1. Khái quát chung.....	35
2.2.2. Kế toán Tiền mặt	36
2.2.2.1. Tài khoản, chứng từ, sổ sách sử dụng.....	36
2.2.2.2. Kế toán nghiệp vụ chi Tiền mặt	38
2.2.2.3. Kế toán nghiệp vụ thu Tiền mặt	41

2.2.3. Kế toán Tiền gửi ngân hàng.....	47
2.2.3.1. Tài khoản, chứng từ, sổ sách sử dụng.....	47
2.2.3.2. Kế toán nghiệp vụ làm tăng TGNH.....	48
2.2.3.3. Kế toán nghiệp vụ làm giảm TGNH.....	52
CHƯƠNG III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CPTM NGỌC DUNG.....	60
3.1. Những nhận xét đánh giá chung về công tác kế toán tại Công ty CPTM Ngọc Dung.....	60
3.1.1. Ưu điểm.....	60
3.1.2. Hạn chế.....	62
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty CPTM Ngọc Dung.....	63
3.2.1. Hoàn thiện về sổ sách	63
3.2.2. Công ty nên hạch toán Tiền đang chuyển	68
3.2.3. Về hình thức thanh toán	68
3.2.4. Hoàn thiện công tác quản lý quỹ Tiền mặt.....	68
3.2.5. Tuân thủ đúng nguyên tắc Bất kiêm nhiệm	70
3.2.6. Công tác kế toán nên sử dụng phần mềm kế toán máy.....	70
3.2.7. Hoàn thiện việc lập báo cáo Lưu chuyển tiền tệ.....	71
KẾT LUẬN	74